

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN, HỌC VƯỢT
Học kỳ: hè, Năm học: 2016-2017

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
1	K47TMDT	Ngô Viết Quang	18/4/1995	NNLCB CNMLN1	K47TMDT	9.0	7.0	7.8
2	K47TTMKT	Đặng Thị Mai Phương	27/8/1995	NNLCB CNMLN1	K47TTMKT	9.0	9.0	9.0
3	K48HDDL	Phan Thị Thúy Nga	12/5/1996	NNLCB CNMLN1	K48HDDL	8.3	7.5	7.8
4	K48HDDL	Hồ Thị Bích Ngọc	20/11/1995	NNLCB CNMLN1	K48HDDL	9.0	5.0	6.6
5	K48KTDL	Trần Phước Trọng Nhân	27/1/1996	NNLCB CNMLN1	K48KTDL	9.0	5.0	6.6
6	K48KTDL	Phạm Thị Khánh Nhi	17/6/1996	NNLCB CNMLN1	K48KTDL	8.6	5.0	6.4
7	K48KTDL	Nguyễn Thị Ái Quỳnh	24/2/1996	NNLCB CNMLN1	K48KTDL	8.3	3.0	5.1
8	K48QHCC	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/7/1995	NNLCB CNMLN1	K48QHCC	9.0	3.0	5.4
9	K48QHCC	Khương Quốc Hưng	22/1/1995	NNLCB CNMLN1	K48QHCC	9.0	0.0	3.6
10	K48QHCC	Phạm Quốc Huy	27/1/1996	NNLCB CNMLN1	K48QHCC	8.6	5.0	6.4
11	K48QHCC	Nguyễn Thị Kim	11/11/1995	NNLCB CNMLN1	K48QHCC	9.3	5.0	6.7
12	K48QHCC	Hồ Lê Trí Trung	19/5/1996	NNLCB CNMLN1	K48QHCC	8.9	7.0	7.8
13	K48TCSK	Nguyễn Quang Minh Khoa	24/10/1996	NNLCB CNMLN1	K48TCSK	8.6	7.5	7.9
14	K48TCSK	Nguyễn Thị Tố Nhi	14/10/1996	NNLCB CNMLN1	K48TCSK	9.0	7.5	8.1
15	K48TCSK	Huỳnh Thái Uyên	12/12/1996	NNLCB CNMLN1	K48TCSK	8.6	9.5	9.1
16	K49HDDL	Nguyễn Ngọc Anh	28/5/1997	NNLCB CNMLN1	K49HDDL	7.8	4.0	5.5
17	K49KTDL	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1997	NNLCB CNMLN1	K49KTDL	9.0	5.0	6.6
18	K49KTDL	Nguyễn Thị Kim Vi	8/2/1997	NNLCB CNMLN1	K49KTDL	9.3	8.5	8.8
19	K49QHCC	Đặng Thị Ngà	4/11/1997	NNLCB CNMLN1	K49QHCC	9.3	7.0	7.9
20	K49QHCC	Đặng Nguyễn Hữu Nghĩa	20/8/1996	NNLCB CNMLN1	K49QHCC	8.8	7.0	7.7
21	K49QHCC	Võ Thiện Tuấn	5/1/1997	NNLCB CNMLN1	K49QHCC	9.3	8.0	8.5
22	K49QLLH2	Trương Thị Kim Anh	27/8/1997	NNLCB CNMLN1	K49QLLH2	9.3	9.0	9.1
23	K49QLLH2	Nguyễn Thị Hương Giang	20/9/1996	NNLCB CNMLN1	K49QLLH2	9.4	8.0	8.6
24	K49QLLH3	Đoàn Vĩnh Phước	17/6/1997	NNLCB CNMLN1	K49QLLH3	9.0	7.0	7.8
25	K49QLLH3	Lê Thị Trúc	19/9/1997	NNLCB CNMLN1	K49QLLH3	9.3	9.0	9.1
26	K49QTKD	Nguyễn Thị Lan Phương	9/1/1997	NNLCB CNMLN1	K49QTKD	9.3	9.5	9.4
27	K49QTKD	Trần Thị Tố Trinh	01/5/1997	NNLCB CNMLN1	K49QTKD	9.0	8.5	8.7
28	K49TCSK	Bùi Thị Quỳnh An	27/4/1997	NNLCB CNMLN1	K49TCSK	9.6	9.0	9.2
29	K49TCSK	Lê Tấn Chính	16/1/1997	NNLCB CNMLN1	K49TCSK	9.0	8.0	8.4
30	K49TCSK	Nguyễn Thị Thanh Nhân	22/9/1997	NNLCB CNMLN1	K49TCSK	8.3	8.0	8.1
31	K49TCSK	Trần Thị Thủy	22/10/1996	NNLCB CNMLN1	K49TCSK	8.9	9.0	9.0
32	K49TTMKT	Trần Thị Kim Chung	17/3/1997	NNLCB CNMLN1	K49TTMKT	9.0	9.0	9.0
33	K49TTMKT	Nguyễn Trần Tú Trân	7/10/1997	NNLCB CNMLN1	K49TTMKT	9.3	9.0	9.1
34	K49TTMKT	Nguyễn Thị Kim Xuân	13/2/1997	NNLCB CNMLN1	K49TTMKT	9.0	8.0	8.4
35	K50QTDVDDLHC	Nguyễn Như Nguyệt Hằng	16/4/1998	NNLCB CNMLN1	K50QTDVDDLHC	9.3	8.0	8.5
36	K50QTKDC	Nguyễn Quốc Bảo	7/6/1998	NNLCB CNMLN1	K50QTKDC	8.3	7.0	7.5
37	K47TMDT	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	NNLCB CNMLN2	K47TMDT	8.8	9.0	8.9
38	K47TMDT	Hà Thái Hồng Diệu	17/10/1995	NNLCB CNMLN2	K47TMDT	8.8	9.0	8.9
39	K47TMDT	Ngô Viết Quang	18/4/1995	NNLCB CNMLN2	K47TMDT	8.5	9.0	8.8
40	K47TMDT	Lương Phan Minh Quý	8/12/1995	NNLCB CNMLN2	K47TMDT	9.0	9.0	9.0
41	K47TTMKT	Trương Thị Vi Sa	2/1/1995	NNLCB CNMLN2	K47TTMKT	8.9	8.5	8.7
42	K48HDDL	Phạm Thanh Tùng	21/2/1995	NNLCB CNMLN2	K48HDDL	8.8	7.5	8.0

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
43	K48KTDL	Phan Trần Nhật	Nhung	17/6/1996	NNLCB CNMLN2	K48KTDL	9.0	8.5	8.7
44	K48KTDL	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	22/12/1996	NNLCB CNMLN2	K48KTDL	8.8	8.5	8.6
45	K48QHCC	Đặng Thị Bích	Chi	27/6/1996	NNLCB CNMLN2	K48QHCC	8.9	8.5	8.7
46	K48QHCC	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/7/1995	NNLCB CNMLN2	K48QHCC	8.9	7.5	8.1
47	K48QHCC	Phạm Quốc	Huy	27/1/1996	NNLCB CNMLN2	K48QHCC	8.6	6.0	7.0
48	K48QHCC	Hồ Lê Trí	Trung	19/5/1996	NNLCB CNMLN2	K48QHCC	8.9	6.5	7.5
49	K48QLLH	Nguyễn Thị	Giang	5/5/1996	NNLCB CNMLN2	K48QLLH	7.8	8.5	8.2
50	K48QLLH1	Phan Thị	Thắm	13/11/1996	NNLCB CNMLN2	K48QLLH1	8.9	9.0	9.0
51	K48TCSK	Hoàng Thị Thu	Hà	13/8/1995	NNLCB CNMLN2	K48TCSK	1.8	0.0	0.7
52	K48TCSK	Dương Thị Bích	Trâm	20/8/1996	NNLCB CNMLN2	K48TCSK	8.6	9.0	8.8
53	K48TMĐT	Hồ Đình Nguyên	An	18/4/1996	NNLCB CNMLN2	K48TMĐT	1.8	0.0	0.7
54	K48TMĐT	Ngô Bảo	Chung	9/9/1995	NNLCB CNMLN2	K48TMĐT	1.8	0.0	0.7
55	K48TMĐT	Hà Thị Uyên	Nhi	29/10/1995	NNLCB CNMLN2	K48TMĐT	9.0	8.0	8.4
56	K48TMĐT	Trần Thị Bích	Phương	18/1/1996	NNLCB CNMLN2	K48TMĐT	8.9	8.5	8.7
57	K48TTMKT	Nguyễn Thị	Gám	6/10/1996	NNLCB CNMLN2	K48TTMKT	1.8	0.0	0.7
58	K48TTMKT	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/1/1996	NNLCB CNMLN2	K48TTMKT	1.8	0.0	0.7
59	K48TTMKT	Trần Thị Tuyết	Ngân	3/4/1996	NNLCB CNMLN2	K48TTMKT	1.8	0.0	0.7
60	K48TTMKT	Nguyễn Sỹ	Tài	5/6/1996	NNLCB CNMLN2	K48TTMKT	1.8	0.0	0.7
61	K49HDDL	Lê Quang	Duận	3/2/1997	NNLCB CNMLN2	K49HDDL	1.8	0.0	0.7
62	K49HDDL	Đào Văn	Năm	2/5/1998	NNLCB CNMLN2	K49HDDL	8.8	7.0	7.7
63	K49KTDL	Lê Thị Thúy	Quỳnh	1/10/1997	NNLCB CNMLN2	K49KTDL	8.9	8.0	8.4
64	K49QHCC	Đặng Nguyễn Hữu	Nghĩa	20/8/1996	NNLCB CNMLN2	K49QHCC	8.8	9.0	8.9
65	K49QHCC	Nguyễn Thị Tâm	Nhi	9/11/1997	NNLCB CNMLN2	K49QHCC	8.6	7.0	7.6
66	K49QHCC	Đỗ Lê Nhật	Quang	7/12/1997	NNLCB CNMLN2	K49QHCC	7.8	9.0	8.5
67	K49QHCC	Lê Thị	Trang	2/3/1997	NNLCB CNMLN2	K49QHCC	8.8	9.0	8.9
68	K49QHCC	Võ Thiện	Tuấn	5/1/1997	NNLCB CNMLN2	K49QHCC	8.6	9.0	8.8
69	K49QLLH2	Đặng Vũ Minh	Phương	8/3/1997	NNLCB CNMLN2	K49QLLH2	8.0	8.0	8.0
70	K49QLLH2	Trần Thị Thu	Thủy	27/2/1997	NNLCB CNMLN2	K49QLLH2	8.6	8.0	8.2
71	K49QLLH3	Trần Thị Kim	Loan	29/9/1997	NNLCB CNMLN2	K49QLLH3	9.0	9.0	9.0
72	K49QLLH3	Trần Thị Thanh	Thanh	24/1/1997	NNLCB CNMLN2	K49QLLH3	9.0	8.0	8.4
73	K49QTKD	Hồ Đình	Lực	19/6/1997	NNLCB CNMLN2	K49QTKD	8.8	8.0	8.3
74	K49TCSK	Phan Thị Thu	Thảo	17/4/1997	NNLCB CNMLN2	K49TCSK	8.6	8.0	8.2
75	K49TCSK	Nguyễn Quỳnh	Thư	30/7/1997	NNLCB CNMLN2	K49TCSK	8.6	8.0	8.2
76	K49TMĐT	Phạm Cao Liên	Công	12/12/1992	NNLCB CNMLN2	K49TMĐT	9.3	9.0	9.1
77	K49TMĐT	Nguyễn Khoa Thị Thùy	Linh	29/5/1997	NNLCB CNMLN2	K49TMĐT	9.0	7.5	8.1
78	K49TMĐT	Phan Thị Ngọc	Nương	17/9/1997	NNLCB CNMLN2	K49TMĐT	8.8	9.0	8.9
79	K49TMĐT	Lê Thị	Trang	26/12/1997	NNLCB CNMLN2	K49TMĐT	8.9	8.5	8.7
80	K49TMĐT	Nguyễn Xuân Minh	Tuấn	9/5/1997	NNLCB CNMLN2	K49TMĐT	8.6	8.0	8.2
81	K49TTMKT	Trần Thị Minh	Phương	30/8/1997	NNLCB CNMLN2	K49TTMKT	8.9	7.5	8.1
82	K49TTMKT	Nguyễn Phước	Quang	24/4/1996	NNLCB CNMLN2	K49TTMKT	8.6	9.0	8.8
83	K49TTMKT	Hoàng Nhật	Thái	13/5/1997	NNLCB CNMLN2	K49TTMKT	8.4	5.0	6.4
84	K49TTMKT	Nguyễn Thanh	Thanh	24/8/1997	NNLCB CNMLN2	K49TTMKT	8.4	8.0	8.2
85	K49TTMKT	Cánh Vân Tôn Nữ Anh	Thy	2/10/1996	NNLCB CNMLN2	K49TTMKT	8.0	8.5	8.3
86	K49TTMKT	Nguyễn Thị Bảo	Trần	2/12/1997	NNLCB CNMLN2	K49TTMKT	9.0	9.0	9.0
87	K47QLLH	Hoàng Nguyễn Ngọc	Diệp	30/3/1995	Cơ sở văn hóa VN	K47QLLH	7.7	5.0	5.8
88	K48KTDL	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	22/3/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48KTDL	8.0	7.0	7.3

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
89	K48QHCC	Trương Thảo	My	22/5/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QHCC	8.3	8.0	8.1
90	K48QHCC	Trần Thị Mỹ	Nguyễn	25/9/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QHCC	8.3	7.5	7.7
91	K48QHCC	Nguyễn Thị Lan	Vi	16/5	Cơ sở văn hóa VN	K48QHCC	7.7	8.0	7.9
92	K48QLLH2	Đặng Thị	Lành	4/10/1995	Cơ sở văn hóa VN	K48QLLH2	0.0	9.0	6.3
93	K48QLLH2	Lê Thị Tường	Vân	10/1/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QLLH2	8.7	9.0	8.9
94	K48QTKDDL	Nguyễn Vũ Thùy	Nhiên	16/1/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QTKDDL	9.3	6.5	7.3
95	K48QTKDDL	Phan Thị Quỳnh	Như	29/11/1995	Cơ sở văn hóa VN	K48QTKDDL	9.3	9.0	9.1
96	K48TMBĐT	Nguyễn Thị	Sen	5/6/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TMBĐT	8.7	8.0	8.2
97	K48TTMKT	Nguyễn Văn	Huy	10/2/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	9.3	8.5	8.7
98	K48TTMKT	Lê Thị	Huyền	25/2/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	8.7	9.0	8.9
99	K48TTMKT	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	20/1/1995	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	7.7	7.5	7.6
100	K48TTMKT	Phan Thị Trà	Ny	21/4/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	8.3	6.0	6.7
101	K48TTMKT	Lê Thị	Thảo	16/4/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	8.3	8.0	8.1
102	K48TTMKT	Đoàn Thị Thanh	Trang	1/12/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	8.0	8.0	8.0
103	K47QLLH	Hồ Ái	Như	14/7/1995	Đường lối ĐCS VN	K47QLLH	0.0	2.0	1.2
104	K47QLLH	Trần Minh	Tân	28/11/1995	Đường lối ĐCS VN	K47QLLH	0.0	4.5	2.7
105	K47TCSK	Nguyễn Đình	Phú	15/12/1995	Đường lối ĐCS VN	K47TCSK	7.8	8.5	8.2
106	K47TMBĐT	Huỳnh Thị Hoàng	Anh	4/6/1995	Đường lối ĐCS VN	K47TMBĐT	8.0	8.0	8.0
107	K47TTMKT	Trương Thị Vi	Sa	2/1/1995	Đường lối ĐCS VN	K47TTMKT	10.0	8.0	8.8
108	K48HDDL	Hồ Thị Bích	Ngọc	20/11/1995	Đường lối ĐCS VN	K48HDDL	0.0	0.0	0.0
109	K48HDDL	Phạm Thanh	Tùng	21/2/1995	Đường lối ĐCS VN	K48HDDL	0.0	0.0	0.0
110	K48KTDL	Võ Thị Cẩm	Duyên	24/2/1996	Đường lối ĐCS VN	K48KTDL	8.0	4.0	5.6
111	K48KTDL	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	22/3/1996	Đường lối ĐCS VN	K48KTDL	8.8	9.0	8.9
112	K48KTDL	Trần Phước Trọng	Nhân	27/1/1996	Đường lối ĐCS VN	K48KTDL	8.8	8.0	8.3
113	K48KTDL	Phan Trần Nhật	Nhung	17/6/1996	Đường lối ĐCS VN	K48KTDL	8.8	8.0	8.3
114	K48KTDL	Châu Thị Như	Quỳnh	4/6/1996	Đường lối ĐCS VN	K48KTDL	8.8	8.5	8.6
115	K48KTDL	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	22/12/1996	Đường lối ĐCS VN	K48KTDL	10.0	7.5	8.5
116	K48QHCC	Lê Thị Hương	Sen	3/8/1995	Đường lối ĐCS VN	K48QHCC	8.0	8.5	8.3
117	K48QLLH1	Lê Thị Mạnh	Khuong	27/6/1996	Đường lối ĐCS VN	K48QLLH1	10.0	8.0	8.8
118	K48QLLH2	Đặng Thị	Lành	4/10/1995	Đường lối ĐCS VN	K48QLLH2	0.0	5.0	3.0
119	K48TCSK	Lê Thị Ngọc	Huyền	7/10/1996	Đường lối ĐCS VN	K48TCSK	0.0	0.0	0.0
120	K48TCSK	Nguyễn Quang Minh	Khoa	24/10/1996	Đường lối ĐCS VN	K48TCSK	0.0	9.0	5.4
121	K48TMBĐT	Hồ Đình Nguyên	An	18/4/1996	Đường lối ĐCS VN	K48TMBĐT	8.0	8.5	8.3
122	K48TMBĐT	Ngô Bảo	Chung	9/9/1995	Đường lối ĐCS VN	K48TMBĐT	0.0	0.0	0.0
123	K48TMBĐT	Trần Thị Bích	Phuong	18/1/1996	Đường lối ĐCS VN	K48TMBĐT	8.8	4.0	5.9
124	K48TMBĐT	Nguyễn Lê Quỳnh	Thi	13/5/1996	Đường lối ĐCS VN	K48TMBĐT	8.0	7.5	7.7
125	K48TTMKT	Đặng Thị Như	Ý	20/8/1994	Đường lối ĐCS VN	K48TTMKT	0.0	0.0	0.0
126	K49KTDL	Nguyễn Thị Bình	Nhi	5/12/1997	Đường lối ĐCS VN	K49KTDL	8.8	7.5	8.0
127	K49QHCC	Trần Thị Thảo	Anh	15/4/1997	Đường lối ĐCS VN	K49QHCC	8.0	6.0	6.8
128	K49QHCC	Phan Thị	Thảo	10/9/1996	Đường lối ĐCS VN	K49QHCC	10.0	8.5	9.1
129	K49QLLH1	Nguyễn Thị Kim	Toa	29/12/1997	Đường lối ĐCS VN	K49QLLH1	10.0	9.0	9.4
130	K49QTKD	Lê Thị Quỳnh	Vân	1/2/1997	Đường lối ĐCS VN	K49QTKD	10.0	8.0	8.8
131	K49TCSK	Lê Tấn	Chinh	16/1/1997	Đường lối ĐCS VN	K49TCSK	8.8	4.0	5.9
132	K49TCSK	Phan Thị Thanh	Ngọc	20/3/1997	Đường lối ĐCS VN	K49TCSK	10.0	4.0	6.4
133	K49TCSK	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	22/9/1997	Đường lối ĐCS VN	K49TCSK	0.0	4.0	2.4
134	K49TCSK	Nguyễn Thanh	Nhân	13/4/1997	Đường lối ĐCS VN	K49TCSK	8.8	8.5	8.6

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
135	K49TCSK	Trần Lê Hoài	Như	30/10/1997	Đường lối ĐCS VN	K49TCSK	10.0	8.5	9.1
136	K49TTMKT	Hồ Thị Thanh	Thanh	6/9/1997	Đường lối ĐCS VN	K49TTMKT	8.8	8.5	8.6
137	K49TTMKT	Ngô Thị	Thư	21/2/1997	Đường lối ĐCS VN	K49TTMKT	8.8	8.0	8.3
138	K49TTMKT	Lê Thị Kim	Tuyển	15/5/1997	Đường lối ĐCS VN	K49TTMKT	8.8	8.5	8.6
139	K46TMĐT	Nguyễn Văn	Đức	1/8/1994	Khoa học môi trường	K46TMĐT	9.3	9.5	9.4
140	K48KTDL	Phạm Thị Khánh	Nhi	17/6/1996	Khoa học môi trường	K48KTDL	9.3	7.5	8.0
141	K49KTDL	Lê Thị Thúy	Quỳnh	1/10/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	9.3	8.0	8.4
142	K49KTDL	Trần Anh	Thư	13/10/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	9.3	8.0	8.4
143	K49KTDL	Ngô Thị Thùy	Trang	17/8/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	9.3	8.5	8.7
144	K49KTDL	Nguyễn Thục	Trinh	3/12/1996	Khoa học môi trường	K49KTDL	9.3	8.5	8.7
145	K49KTDL	Nguyễn Thị Kim	Vi	8/2/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	9.3	8.5	8.7
146	K49KTDL	Kiều Thị Tường	Vy	27/4/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	9.3	9.0	9.1
147	K49QHCC	Võ Kiều	Oanh	6/10/1997	Khoa học môi trường	K49QHCC	9.3	8.5	8.7
148	K49QLLH1	Trương Thị Phương	Anh	16/4/1997	Khoa học môi trường	K49QLLH1	9.3	8.0	8.4
149	K49QTKD	Lê Thị Yến	Nhi	25/1/1997	Khoa học môi trường	K49QTKD	9.3	9.0	9.1
150	K49QTKD	Nguyễn Thị	Phương	16/9/1997	Khoa học môi trường	K49QTKD	9.3	8.5	8.7
151	K49TCSK	Trần Lê Hoài	Như	30/10/1997	Khoa học môi trường	K49TCSK	9.3	8.5	8.7
152	K50QTKDB	Phoutsamay Phengbuavanh		17/6/1998	Khoa học môi trường	K50QTKDB	9.3	9.0	9.1
153	K50QTKDB	Linly Koutsabath		8/10/1997	Khoa học môi trường	K50QTKDB	9.3	8.0	8.4
154	K50QTKDC	Lê Thị	Thiệp	18/9/1998	Khoa học môi trường	K50QTKDC	9.3	8.5	8.7
155	K50QTKDC	Võ Thị	Trinh	17/3/1997	Khoa học môi trường	K50QTKDC	9.3	8.5	8.7
156	K50QTKDC	Lê Thị Hồng	Vân	29/3/1998	Khoa học môi trường	K50QTKDC	9.3	8.5	8.7
157	K47HDDL	Vũ Đoan	Trang	21/11/1992	Kinh tế vĩ mô 1	K47HDDL	6.7	5.0	5.5
158	K47QTKD	Đỗ Hoàng	Oanh	19/2/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K47QTKD	9.3	4.0	5.6
159	K47TCSK	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1/9/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K47TCSK	9.0	6.0	6.9
160	K47TCSK	Nguyễn Định	Phú	15/12/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K47TCSK	9.0	5.0	6.2
161	K48HDDL	Phạm Thị Kim	Anh	28/2/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48HDDL	7.7	6.5	6.9
162	K48HDDL	Lê Quốc	Linh	5/11/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48HDDL	5.3	7.0	6.5
163	K48HDDL	Mai	Son	10/5/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48HDDL	6.0	7.5	7.1
164	K48KTDL	Võ Thị Cẩm	Duyên	24/2/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48KTDL	8.7	7.5	7.9
165	K48KTDL	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	28/8/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48KTDL	9.0	8.0	8.3
166	K48KTDL	Hoàng Thị Lan	Nhi	17/12/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48KTDL	9.7	7.5	8.2
167	K48KTDL	Phạm Thị	Tý	17/7/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48KTDL	6.3	7.5	7.1
168	K48QHCC	Lê Thị Bích	Ngân	3/5/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48QHCC	0.0	0.0	0.0
169	K48QLLH1	Mai Thị	Nguyệt	1/8/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48QLLH1	0.0	0.0	0.0
170	K48QLLH1	Đoàn Thị	Trang	18/7/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48QLLH1	7.7	3.5	4.8
171	K48TCSK	Lê Thị Thùy	Nhiên	21/9/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48TCSK	7.0	5.0	5.6
172	K48TCSK	Ngô Thị	Thanh	20/4/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48TCSK	5.0	7.0	6.4
173	K48TCSK	Nguyễn Thị Diễm	Thị	21/11/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48TCSK	9.7	7.0	7.8
174	K48TCSK	Nguyễn Thị Thúy	Vy	20/10/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48TCSK	0.0	0.0	0.0
175	K48TMĐT	Ngô Bảo	Chung	9/9/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48TMĐT	0.0	6.0	4.2
176	K48TMĐT	Đoàn Văn	Luyện	29/1/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48TMĐT	7.7	6.0	6.5
177	K48TMĐT	Nguyễn Thị	Sen	5/6/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K48TMĐT	0.0	0.0	0.0
178	K48TMĐT	Nguyễn	Tuấn	27/3/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48TMĐT	7.7	5.0	5.8
179	K48TTMKT	Phan Như	Quỳnh	27/4/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48TTMKT	0.0	0.0	0.0
180	K48TTMKT	Nguyễn Thị Tường	Vân	28/7/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K48TTMKT	0.0	0.0	0.0

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
181	K49HDDL	Nguyễn Ngọc	Anh	28/5/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.7	5.0	6.1
182	K49HDDL	Nguyễn Thị Minh	Châu	29/10/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.3	5.0	6.0
183	K49HDDL	Đỗ Văn Minh	Chính	29/5/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.7	5.0	6.1
184	K49HDDL	Phan Thanh	Đức	12/3/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	7.3	5.0	5.7
185	K49HDDL	Lê Hoàng	Đức	10/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	4.3	6.0	5.5
186	K49HDDL	Tạ Vinh	Hạ	23/7/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	7.7	4.5	5.5
187	K49HDDL	Hà Thị Tuyết	Hậu	12/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	9.3	2.0	4.2
188	K49HDDL	Vân Thị	Hiền	1/8/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.7	2.0	4.0
189	K49HDDL	Nguyễn Văn	Hiếu	13/12/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	10.0	3.0	5.1
190	K49HDDL	Nguyễn Ngọc	Hoàng	18/2/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	10.0	1.5	4.1
191	K49HDDL	Lê Xuân	Hùng	2/6/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.3	0.0	2.5
192	K49HDDL	Nguyễn Trần Xuân	Hương	5/3/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	10.0	2.0	4.4
193	K49HDDL	Trần Quang	Minh	18/11/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.7	2.0	4.0
194	K49HDDL	Đào Văn	Năm	2/5/1998	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.3	2.0	3.9
195	K49HDDL	Hoàng Thị	Nhân	3/5/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	7.7	1.5	3.4
196	K49HDDL	Nguyễn Thị Thục	Oanh	17/5/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.0	1.0	3.1
197	K49HDDL	Nguyễn Văn	Phi	17/10/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.7	1.0	3.3
198	K49HDDL	Lê Thị Thúy	Phương	22/3/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	9.3	1.5	3.8
199	K49HDDL	Lê Văn	Phương	17/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.3	2.5	4.2
200	K49HDDL	Nguyễn Thái	Quan	26/7/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.3	1.5	3.5
201	K49HDDL	Lê Tân	Quang	28/1/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.0	2.0	3.8
202	K49HDDL	Nguyễn Thị	Quý	5/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.0	1.0	3.1
203	K49HDDL	Hồ Phú	Sỹ	3/11/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.3	2.0	3.9
204	K49HDDL	Phan	Tám	8/1/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	9.0	4.5	5.9
205	K49HDDL	Nguyễn Cửu Thị	Tâm	17/6/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	9.3	2.0	4.2
206	K49HDDL	Nguyễn Thị	Toa	7/11/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	8.0	1.5	3.5
207	K49HDDL	Hoàng Thị	Thùy	1/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	9.0	3.0	4.8
208	K49HDDL	Nguyễn Thị	Thủy	6/6/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	10.0	3.0	5.1
209	K49HDDL	Nguyễn Văn	Tuấn	18/3/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49HDDL	7.7	2.0	3.7
210	K49KTDL	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	10/11/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49KTDL	6.7	1.5	3.1
211	K49KTDL	Nguyễn Thị Bình	Nhi	5/12/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49KTDL	8.3	2.0	3.9
212	K49QLLH1	Võ Quang	Dinh	15/2/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	7.7	5.0	5.8
213	K49QLLH1	Nguyễn Cửu Hoài	Đức	10/9/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	7.3	5.5	6.0
214	K49QLLH1	Lê Văn	Đức	6/1/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	7.3	6.5	6.7
215	K49QLLH1	Trần Nhã	Kỳ	21/11/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	0.0	5.0	3.5
216	K49QLLH1	Nguyễn Thị Mê	Lin	1/10/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	0.0	5.0	3.5
217	K49QLLH1	Lê Văn	Long	2/1/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	7.3	4.5	5.3
218	K49QLLH1	Trần Ninh	Ngọc	20/12/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	7.0	4.0	4.9
219	K49QLLH1	Phan Thị Thục	Nguyên	7/9/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	8.7	4.5	5.8
220	K49QLLH1	Hoàng Thị	Nhung	2/6/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	6.3	4.5	5.0
221	K49QLLH1	Phan Hữu	Niên	6/10/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	8.3	5.0	6.0
222	K49QLLH1	Nguyễn Thị Ánh	Sao	22/10/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	9.3	4.0	5.6
223	K49QLLH1	Võ Thị	Thanh	19/3/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	7.7	4.0	5.1
224	K49QLLH1	Hoàng Thị Thiên	Thanh	30/3/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	7.7	3.0	4.4
225	K49QLLH1	Trần Thị Anh	Thư	21/7/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	7.3	4.0	5.0
226	K49QLLH1	Đình Thị	Thùy	18/5/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	9.0	6.5	7.3

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
227	K49QLLH1	Phạm Thị Ngọc Trâm	10/7/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	9.3	6.5	7.3
228	K49QLLH1	Lê Thị Thanh Tuyền	16/9/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH1	8.0	5.0	5.9
229	K49QLLH2	Trương Thị Kim Anh	27/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	9.0	4.5	5.9
230	K49QLLH2	Nguyễn Thị Hương Giang	20/9/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	10.0	7.0	7.9
231	K49QLLH2	Lê Thị Bình Ly	26/6/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	10.0	6.0	7.2
232	K49QLLH2	Nguyễn Thùy Mai	3/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	8.7	5.0	6.1
233	K49QLLH2	Nguyễn Thị Huyền Nhi	7/11/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	9.7	3.5	5.4
234	K49QLLH2	Nguyễn Thị Như	13/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	6.3	5.0	5.4
235	K49QLLH2	Hồ Thị Hồng Nhung	22/2/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	10.0	5.0	6.5
236	K49QLLH2	Trương Thị Ngọc	22/11/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	4.7	5.0	4.9
237	K49QLLH2	Đặng Vũ Minh Phương	8/3/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	7.0	5.0	5.6
238	K49QLLH2	Phan Thị Phương	17/11/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	10.0	5.0	6.5
239	K49QLLH2	Trần Thị Phương	9/2/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	7.3	3.5	4.6
240	K49QLLH2	Nguyễn Dương Quỳnh	8/9/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	8.7	4.5	5.8
241	K49QLLH2	Lê Thị Minh Tâm	19/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	8.7	4.0	5.4
242	K49QLLH2	Nguyễn Xuân Thắng	12/7/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	5.0	3.5	4.0
243	K49QLLH2	Hồ Thị Thanh Thanh	2/12/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	9.3	3.0	4.9
244	K49QLLH2	Nguyễn Thị Thu	15/1/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	8.7	5.0	6.1
245	K49QLLH2	Trần Thị Thu	10/11/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	9.3	4.5	5.9
246	K49QLLH2	Hoàng Thị Kim Thúy	16/6/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	8.0	4.5	5.6
247	K49QLLH2	Trần Thị Thu Thủy	27/2/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	8.0	6.0	6.6
248	K49QLLH2	Phan Thị Đoan Trang	16/9/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	8.7	6.0	6.8
249	K49QLLH2	Nguyễn Thị Trinh	20/2/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	8.7	5.0	6.1
250	K49QLLH2	Trình Thanh Vy	27/5/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH2	9.3	6.0	7.0
251	K49QLLH3	Trần Thị Hồng Nhi	26/1/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	8.7	5.0	6.1
252	K49QLLH3	Trần Quốc	5/4/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	9.3	6.0	7.0
253	K49QLLH3	Trần Thị Quý	14/10/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	5.7	6.5	6.3
254	K49QLLH3	Trương Thị Ngọc Quyên	2/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	7.7	3.5	4.8
255	K49QLLH3	Nguyễn Thị Thanh	19/7/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	6.3	7.0	6.8
256	K49QLLH3	Hồ Thanh Thanh	1/11/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	8.3	7.0	7.4
257	K49QLLH3	Nguyễn Thị Ngọc Thi	7/4/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	6.3	7.0	6.8
258	K49QLLH3	Nguyễn Thị Thuỳ	1/8/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	10.0	7.0	7.9
259	K49QLLH3	Ngô Thị Thu Trâm	25/2/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	8.7	7.0	7.5
260	K49QLLH3	Lê Thị Trúc	19/9/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	9.7	7.0	7.8
261	K49QLLH3	Nguyễn Thị Như Ý	20/2/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	10.0	7.0	7.9
262	K49QLLH3	Huỳnh Thị Ngọc Yên	2/5/1996	Kinh tế vĩ mô 1	K49QLLH3	9.3	3.5	5.2
263	K49QTKD	Trần Thị Ngọc Hằng	01/7/1997	Kinh tế vĩ mô 1	K49QTKD	8.0	6.0	6.6
264	K47QLLH	Hồ Ái Như	14/7/1995	Kinh tế vĩ mô 1	K47QLLH	0.7	0.0	0.2
265	K47HDDL	Nguyễn Thị Phương Dung	29/6/1995	Kinh tế lượng	K47HDDL	7.0	5.3	5.8
266	K47HDDL	Nguyễn Hữu Dũng	27/1/1995	Kinh tế lượng	K47HDDL	7.7	4.5	5.5
267	K47HDDL	Vũ Doan Trang	21/11/1992	Kinh tế lượng	K47HDDL	8.3	1.3	3.4
268	K47HDDL	Hồ Đắc Trí	15/9/1992	Kinh tế lượng	K47HDDL	5.3	7.0	6.5
269	K47TCSK	Nguyễn Đình Phú	15/12/1995	Kinh tế lượng	K47TCSK	10.0	7.3	8.1
270	K47TTMKT	Phan Thị Tuyết Mai	14/8/1995	Kinh tế lượng	K47TTMKT	8.0	7.0	7.3
271	K47TTMKT	Trương Thị Vi Sa	2/1/1995	Kinh tế lượng	K47TTMKT	7.3	7.0	7.1
272	K48HDDL	Trần Thị Hải	5/2/1996	Kinh tế lượng	K48HDDL	5.3	7.5	6.8

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
273	K48QHCC	Lê Thị Bích	Ngân	3/5/1996	Kinh tế lượng	K48QHCC	9.7	8.0	8.5
274	K48QHCC	Hồ Lê Trí	Trung	19/5/1996	Kinh tế lượng	K48QHCC	7.3	6.3	6.6
275	K48QTKDDL	Nguyễn Anh	Tuấn	4/11/1996	Kinh tế lượng	K48QTKDDL	10.0	9.0	9.3
276	K48TMBĐT	Ngô Bảo	Chung	9/9/1995	Kinh tế lượng	K48TMBĐT	5.3	0.0	1.6
277	K49QLLH1	Huỳnh Thị Minh	Châu	21/8/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	6.0	5.3	5.5
278	K49QLLH1	Võ Quang	Dinh	15/2/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	10.0	7.3	8.1
279	K49QLLH1	Lê Văn	Đức	6/1/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	10.0	9.5	9.7
280	K49QLLH1	Nguyễn Cửu Hoài	Đức	10/9/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	9.3	7.8	8.2
281	K49QLLH1	Hoàng Thị	Nhung	2/6/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	8.3	7.3	7.6
282	K49QLLH1	Nguyễn Thị Ánh	Sao	22/10/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	9.3	6.8	7.5
283	K49QLLH1	Nguyễn thị Thanh	Tâm	21/2/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	9.3	6.8	7.5
284	K49QLLH1	Võ Thị	Thanh	19/3/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	6.7	5.5	5.9
285	K49QLLH1	Bùi Thị Thanh	Thảo	13/7/1996	Kinh tế lượng	K49QLLH1	8.8	8.3	8.4
286	K49QLLH1	Chu Duy	Thật	25/6/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	8.0	8.5	8.4
287	K49QLLH1	Trần Thị Anh	Thư	21/7/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	8.0	7.8	7.8
288	K49QLLH1	Võ Thị Ngọc	Trâm	3/5/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	9.3	7.5	8.0
289	K49QLLH3	Lê Hữu	Chung	24/9/1996	Kinh tế lượng	K49QLLH3	7.3	5.5	6.0
290	K49QLLH3	Trần Trúc	Linh	19/6/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH3	9.3	6.8	7.5
291	K49QLLH3	Lê	Ngọc	14/7/1994	Kinh tế lượng	K49QLLH3	7.0	7.0	7.0
292	K49QLLH3	Nguyễn Trần Kim	Nguyên	1/1/1996	Kinh tế lượng	K49QLLH3	7.3	7.0	7.1
293	K49QLLH3	Trần Thị Hồng	Nhi	26/1/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH3	8.0	8.0	8.0
294	K49QLLH3	Trần Thị	Quý	14/10/1996	Kinh tế lượng	K49QLLH3	6.3	6.5	6.4
295	K49QLLH3	Trương Thị Ngọc	Quyên	2/8/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH3	7.7	4.5	5.5
296	K49QLLH3	Nguyễn Thị	Thảo	26/1/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH3	7.0	6.3	6.5
297	K49QLLH3	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	7/4/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH3	6.3	6.3	6.3
298	K49QTKD	Trần Thị Ngọc	Hằng	01/7/1997	Kinh tế lượng	K49QTKD	7.3	6.5	6.7
299	K49QTKD	Hồ Đình	Lực	19/6/1997	Kinh tế lượng	K49QTKD	7.7	6.3	6.7
300	K49QTKD	Nguyễn Thị Thu	Thanh	5/5/1997	Kinh tế lượng	K49QTKD	8.0	4.8	5.7
301	K49TTMKT	Nguyễn Thị Trâm	Anh	24/8/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	9.7	8.0	8.5
302	K49TTMKT	Lê Phước Thảo	Mi	11/2/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	9.3	8.0	8.4
303	K49TTMKT	Nguyễn Thanh	Thanh	24/8/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	9.7	7.5	8.2
304	K49TTMKT	Hồ Thị Thanh	Thanh	6/9/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	9.7	7.5	8.2
305	K49TTMKT	Lê Thị Thùy	Trang	27/8/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	9.7	7.5	8.2
306	K49TTMKT	Nguyễn Trí	Tuệ	12/1/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	7.7	6.3	6.7
307	K49TTMKT	Nguyễn Thị Kim	Xuân	13/2/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	9.7	6.5	7.5
308	K47QHCC	Phạm Đình	Sang	20/1/1995	Kinh tế vi mô 1	K47QHCC	8.7	6.0	6.8
309	K47QLLH	Hồ Ái	Như	14/7/1995	Kinh tế vi mô 1	K47QLLH	8.0	1.5	3.5
310	K47TCSK	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1/9/1995	Kinh tế vi mô 1	K47TCSK	7.3	4.8	5.6
311	K47TMBĐT	Ngô Viết	Quang	18/4/1995	Kinh tế vi mô 1	K47TMBĐT	9.3	6.8	7.6
312	K47TMBĐT	Nguyễn Gia	Toàn	7/1/1995	Kinh tế vi mô 1	K47TMBĐT	8.0	6.0	6.6
313	K48HDDL	Nguyễn Thị Diệu	Thương	28/3/1995	Kinh tế vi mô 1	K48HDDL	7.0	3.0	4.2
314	K48KTDL	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	20/12/1995	Kinh tế vi mô 1	K48KTDL	8.0	4.3	5.4
315	K48KTDL	Trần Thị Thu	Hiền	20/3/1996	Kinh tế vi mô 1	K48KTDL	2.3	0.0	0.7
316	K48KTDL	Đặng Thị Thu	Thúy	12/1/1996	Kinh tế vi mô 1	K48KTDL	8.3	3.0	4.6
317	K48TCSK	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	22/3/1996	Kinh tế vi mô 1	K48TCSK	9.3	6.0	7.0
318	K48TCSK	Lê Ngọc Phương	Nhi	14/12/1995	Kinh tế vi mô 1	K48TCSK	2.3	5.8	4.8

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
319	K48TCSK	Dương Thị Diệu	Phương	13/3/1995	Kinh tế vi mô 1	K48TCSK	8.7	6.0	6.8
320	K48TCSK	Nguyễn Song Thùy	Trang	28/3/1996	Kinh tế vi mô 1	K48TCSK	8.7	6.0	6.8
321	K48TMDT	Nguyễn Thị	Sen	5/6/1996	Kinh tế vi mô 1	K48TMDT	2.3	0.0	0.7
322	K48TTMKT	Nguyễn Thị Thảo	Ly	23/9/1996	Kinh tế vi mô 1	K48TTMKT	2.7	0.0	0.8
323	K49QHCC	Trần Thị Thảo	Anh	15/4/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QHCC	8.7	4.8	6.0
324	K49QHCC	Bùi Thị Như	Ngọc	30/10/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QHCC	9.0	4.0	5.5
325	K49QHCC	Nguyễn Thị Tâm	Nhi	9/11/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QHCC	9.0	5.0	6.2
326	K49QLLH1	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	16/2/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QLLH1	9.3	5.5	6.6
327	K49QLLH1	Đinh Thị	Thùy	18/5/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QLLH1	10.0	7.0	7.9
328	K49QLLH2	Trần Thị Mỹ	Duyên	20/7/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QLLH2	8.7	5.0	6.1
329	K49QLLH3	Nguyễn Thị	Huyền	3/8/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QLLH3	9.0	5.3	6.4
330	K49QTKD	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	18/11/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.0	8.0	8.3
331	K49QTKD	Lê Hải Vân	Anh	30/10/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.7	9.0	9.2
332	K49QTKD	Nguyễn Thị Kim	Anh	21/8/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.0	9.0	9.0
333	K49QTKD	Vân Thị Ngọc Thanh	Diệp	5/5/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	7.7	8.5	8.3
334	K49QTKD	Nguyễn Đăng Thùy	Dung	29/10/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.0	8.5	8.7
335	K49QTKD	Lương Gia	Hân	23/3/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.7	8.5	8.9
336	K49QTKD	Hồ Thị Mỹ	Hương	23/4/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.0	6.8	7.5
337	K49QTKD	Trần Thị	Lệ	15/7/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	8.7	8.0	8.2
338	K49QTKD	Nguyễn Thanh	Loan	1/2/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.0	8.0	8.3
339	K49QTKD	Nguyễn Thị Phương	Nhi	24/10/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.3	8.0	8.4
340	K49QTKD	Nguyễn Thị	Nhi	10/9/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	8.7	8.5	8.6
341	K49QTKD	Đinh Thị Hoàng	Oanh	29/5/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.0	8.8	8.9
342	K49QTKD	Thái Thị Thanh	Phương	28/10/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.7	9.0	9.2
343	K49QTKD	Nguyễn Thị Lan	Phương	9/1/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.0	9.0	9.0
344	K49QTKD	Trần Huyền	Thoại	6/3/1996	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.0	8.0	8.3
345	K49QTKD	Lê Thị Tú	Trinh	7/11/1997	Kinh tế vi mô 1	K49QTKD	9.3	7.3	7.9
346	K49TCSK	Phạm Thị Ngọc	Bích	4/11/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	9.3	6.3	7.2
347	K49TCSK	Lê Tấn	Chinh	16/1/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	7.3	5.8	6.3
348	K49TCSK	Trần Đức Thành	Đạt	6/4/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	7.3	4.0	5.0
349	K49TCSK	Nguyễn Quang	Đình	11/10/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	9.0	6.8	7.5
350	K49TCSK	Nguyễn Thị	Hằng	23/3/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	7.7	6.8	7.1
351	K49TCSK	Huỳnh Ái Thúy	Hằng	25/9/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	9.0	6.8	7.5
352	K49TCSK	Phạm Lê Trung	Hiếu	6/6/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	8.7	6.0	6.8
353	K49TCSK	Trương Hoàng	Hùng	8/8/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	8.7	7.0	7.5
354	K49TCSK	Đinh Nữ Nhật	Linh	3/11/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	8.0	7.3	7.5
355	K49TCSK	Phan Thị Thanh	Ngọc	20/3/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	9.0	7.8	8.2
356	K49TCSK	Trần Nguyên Hà	Thị	20/4/1995	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	8.3	9.0	8.8
357	K49TCSK	Nguyễn Thị Kim	Thoa	28/8/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	9.0	8.5	8.7
358	K49TCSK	Hồ Anh	Thư	3/7/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	7.7	8.3	8.1
359	K49TCSK	Trần Thị	Thùy	22/10/1996	Kinh tế vi mô 1	K49TCSK	7.3	7.5	7.4
360	K49TMDT	Phạm Cao Liên	Công	12/12/1992	Kinh tế vi mô 1	K49TMDT	10.0	8.3	8.8
361	K49TMDT	Nguyễn Thị Hoàng	My	10/2/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TMDT	8.7	8.8	8.8
362	K49TMDT	Hoàng Thị	Tâm	20/3/1996	Kinh tế vi mô 1	K49TMDT	8.7	7.5	7.9
363	K49TMDT	Nguyễn Thị Hồng	Vân	25/2/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TMDT	2.3	0.0	0.7
364	K49TTMKT	Lê Phú	Hương	14/2/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	9.3	4.0	5.6

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
365	K49TTMKT	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	30/3/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	9.0	7.3	7.8
366	K49TTMKT	Bảo Hoàng Minh	Quý	2/1/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	8.0	7.0	7.3
367	K49TTMKT	Ngô Thị	Thư	21/2/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	8.7	6.3	7.0
368	K49TTMKT	Nguyễn Thị Bảo	Trần	2/12/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	8.0	6.0	6.6
369	K49TTMKT	Nguyễn Trần Tú	Trần	7/10/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	9.3	7.5	8.0
370	K49TTMKT	Lê Thị Minh	Trang	5/6/1996	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	8.3	6.0	6.7
371	K49TTMKT	Nguyễn Trí	Tuệ	12/1/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	7.3	5.8	6.3
372	K49TTMKT	Lê Thị Kim	Tuyển	15/5/1997	Kinh tế vi mô 1	K49TTMKT	8.7	6.0	6.8
373	K47HDDL	Nguyễn Hữu	Dũng	27/1/1995	Nguyên lý kế toán	K47HDDL	7.7	7.0	7.2
374	K47QHCC	Nguyễn Thanh	Thùy	27/2/1995	Nguyên lý kế toán	K47QHCC	8.3	7.0	7.4
375	K47TCSK	Nguyễn Định	Phú	15/12/1995	Nguyên lý kế toán	K47TCSK	9.0	8.5	8.7
376	K48HDDL	Lê Bá	Cần	25/1/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	9.1	8.5	8.7
377	K48HDDL	Hồ Thị Bích	Ngọc	20/11/1995	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	8.7	7.5	7.9
378	K48HDDL	Nguyễn Thị Phương	Thào	6/4/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	8.3	7.0	7.4
379	K48HDDL	Lê Công Bá	Thiện	2/1/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	8.0	7.0	7.3
380	K48HDDL	Nguyễn Thị Thu	Thùy	10/12/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	8.3	7.5	7.7
381	K48HDDL	Nguyễn Thị	Túy	18/10/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	8.3	7.0	7.4
382	K48QHCC	Lê Thị Bích	Ngân	3/5/1996	Nguyên lý kế toán	K48QHCC	8.7	7.5	7.9
383	K49QLLH1	Chu Duy	Thật	25/6/1997	Nguyên lý kế toán	K49QLLH1	0.0	0.0	0.0
384	K49QLLH3	Nguyễn Thị	Thanh	19/7/1996	Nguyên lý kế toán	K49QLLH3	8.3	7.5	7.7
385	K49QLLH3	Hồ Thanh	Thanh	1/11/1996	Nguyên lý kế toán	K49QLLH3	8.7	7.5	7.9
386	K46HDDL	Phạm Thị Hoài	Mơ	20/5/1993	Nguyên lý thống kê kinh tế	K46HDDL	8.0	7.0	7.3
387	K47QHCC	Nguyễn Võ Kim	Anh	24/2/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47QHCC	8.3	6.8	7.3
388	K47QHCC	Trần Đức Nguyên	Bảo	7/10/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47QHCC	8.3	6.5	7.0
389	K47QHCC	Trần Thị Kim	Thúy	01/3/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47QHCC	7.9	6.8	7.1
390	K47QHCC	Nguyễn Thanh	Thùy	27/2/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47QHCC	8.3	6.5	7.0
391	K47QLLH	Diệp Thị Thiên	Trang	12/5/1994	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47QLLH	8.0	7.5	7.7
392	K47TMDT	Huỳnh Thị Hoàng	Anh	4/6/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47TMDT	8.2	6.8	7.2
393	K47TMDT	Nguyễn Thanh Phú	Cường	26/5/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47TMDT	9.2	6.8	7.5
394	K47TMDT	Hà Thái Hồng	Diệu	17/10/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47TMDT	9.2	7.0	7.7
395	K47TMDT	Trần Nguyễn Đại	Dương	15/10/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47TMDT	8.0	6.3	6.8
396	K47TMDT	Nguyễn Việt	Duyệt	30/7/1994	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47TMDT	8.5	7.0	7.5
397	K47TMDT	Nguyễn Minh	Hùng	01/2/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47TMDT	8.3	6.5	7.0
398	K47TMDT	Nguyễn Ngọc	Hương	16/8/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47TMDT	9.7	6.3	7.3
399	K47TMDT	Lê Đình Phương	Nhi	29/11/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K47TMDT	8.2	6.8	7.2
400	K48HDDL	Trần Thị	Hải	5/2/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48HDDL	8.2	6.5	7.0
401	K48HDDL	Nguyễn Thị Thu	Hoài	17/2/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48HDDL	8.2	6.8	7.2
402	K48HDDL	Nguyễn Thị Trà	Ny	1/1/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48HDDL	8.7	6.8	7.4
403	K48HDDL	Phạm Thị	Phương	20/11/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48HDDL	9.7	7.0	7.8
404	K48HDDL	Nguyễn Thị	Quyên	7/4/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48HDDL	8.2	7.0	7.4
405	K48HDDL	Mai	Son	10/5/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48HDDL	8.3	9.8	9.4
406	K48HDDL	Trần Đình	Thắng	20/1/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48HDDL	8.0	6.0	6.6
407	K48KTDL	Trần Thị Thu	Hiền	20/3/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48KTDL	9.7	6.5	7.5
408	K48KTDL	Nguyễn Thị Khánh	Ly	23/1/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48KTDL	8.5	6.5	7.1
409	K48KTDL	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	22/3/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48KTDL	9.2	7.0	7.7
410	K48KTDL	Châu Thị Như	Quỳnh	4/6/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48KTDL	8.0	9.5	9.1

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
411	K48KTDL	Lê Thị Quỳnh	Tiên	29/6/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48KTDL	8.5	5.8	6.6
412	K48QHCC	Ngô Thị Minh	Châu	3/6/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.2	5.8	6.5
413	K48QHCC	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/7/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.0	7.8	7.9
414	K48QHCC	Nguyễn Thị Kim	Huê	4/11/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.3	7.8	8.0
415	K48QHCC	Lê Thị Bích	Ngân	3/5/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.2	8.3	8.3
416	K48QHCC	Trần Thị Mỹ	Nguyễn	25/9/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.0	8.3	8.2
417	K48QHCC	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	26/4/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	0.0	0.0	0.0
418	K48QHCC	Lê Thanh	Nhi	16/7/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.3	5.8	6.6
419	K48QHCC	Trần Thị Anh	Phương	2/1/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.0	5.8	6.5
420	K48QHCC	Lê Thị Hương	Sen	3/8/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.2	5.5	6.3
421	K48QHCC	Trần Thị Thanh	Thu	26/2/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.2	5.8	6.5
422	K48QHCC	Nguyễn Thị Lan	Vi	16/5/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QHCC	8.2	7.0	7.4
423	K48QLLH1	Hồ Thị	Lộc	25/10/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH1	9.5	6.8	7.6
424	K48QLLH1	Mai Thị	Nguyệt	1/8/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH1	9.7	6.0	7.1
425	K48QLLH2	Trần Thị	Chuyên	10/9/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH2	7.0	5.5	6.0
426	K48QLLH2	Đặng Thị	Lành	4/10/1995	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH2	0.0	7.5	5.3
427	K48QLLH2	Nguyễn Thị	Lời	20/7/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH2	8.5	3.5	5.0
428	K48QLLH2	Hồ Thị	Mùi	2/1/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH2	8.7	5.5	6.5
429	K48QLLH2	Lê Thị	My	12/5/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH2	7.2	7.5	7.4
430	K48QLLH2	Trần Thị Quỳnh	Nhi	3/1/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH2	9.3	5.5	6.6
431	K48QLLH2	Nguyễn Văn	Phùng	12/8/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH2	9.7	5.5	6.8
432	K48QLLH2	Phan Thị	Trà	13/12/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48QLLH2	0.0	7.0	4.9
433	K48TCSK	Nguyễn Thị Tó	Nhi	14/10/1996	Nguyên lý thống kê kinh tế	K48TCSK	8.2	4.5	5.6
434	K47KTDL	Nguyễn Châu	Thảo	25/9/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K47KTDL	7.5	0.0	2.3
435	K47QHCC	Nguyễn Thanh	Thúy	27/2/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K47QHCC	9.5	4.7	6.1
436	K48KTDL	Trần Thị Thu	Hà	5/10/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	9.4	8.3	8.6
437	K48KTDL	Hồ Thị Kim	Nam	18/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	8.1	8.1	8.1
438	K48KTDL	Võ Thị Bảo	Ngân	11/3/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	8.2	8.1	8.1
439	K48KTDL	Trần Thị Như	Ngọc	13/10/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	8.3	7.4	7.7
440	K48KTDL	Đoàn Thị Cẩm	Nhàn	19/2/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	8.3	7.3	7.6
441	K48KTDL	Trần Phước Trọng	Nhân	27/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	9.1	7.9	8.3
442	K48KTDL	Hoàng Thị Lan	Nhi	17/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	7.4	8.0	7.8
443	K48KTDL	Đỗ Thị Hồng	Nhung	30/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	8.7	7.8	8.1
444	K48KTDL	Phan Trần Nhật	Nhung	17/6/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	9.4	8.1	8.5
445	K48KTDL	Hồ Thị	Oanh		Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	8.7	7.1	7.6
446	K48KTDL	Châu Thị Như	Quỳnh	4/6/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	9.1	7.9	8.3
447	K48KTDL	Nguyễn Thị Ái	Quỳnh	24/2/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	8.0	7.5	7.7
448	K48KTDL	Nguyễn Thị	Tâm	9/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	7.6	7.8	7.7
449	K48KTDL	Võ Thị Hồng	Thắm	14/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	9.0	5.8	6.8
450	K48KTDL	Đặng Thị Thu	Thúy	12/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	7.9	7.7	7.8
451	K48KTDL	Lê Thị Quỳnh	Tiên	29/6/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	8.9	8.3	8.5
452	K48KTDL	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	22/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	7.8	8.1	8.0
453	K48TCSK	Dương Thị Diệu	Phương	13/3/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48TCSK	8.3	8.2	8.2
454	K49KTDL	Lê Thị Minh	Nga	1/2/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K49KTDL	9.1	8.0	8.3
455	K47QLLH	Hồ Ái	Như	14/7/1995	Pháp luật đại cương	K47QLLH	0.0	3.0	2.1
456	K48KTDL	Võ Thị Cẩm	Duyên	24/2/1996	Pháp luật đại cương	K48KTDL	8.0	9.0	8.7

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
457	K48KTDL	Nguyễn Thị Kiều Ngân	28/8/1996	Pháp luật đại cương	K48KTDL	8.0	8.5	8.4
458	K48KTDL	Đỗ Thị Hồng Nhung	30/1/1996	Pháp luật đại cương	K48KTDL	8.0	8.5	8.4
459	K48QHCC	Ngô Thị Minh Châu	3/6/1996	Pháp luật đại cương	K48QHCC	8.3	7.5	7.7
460	K48QHCC	Đặng Thị Bích Chi	27/6/1996	Pháp luật đại cương	K48QHCC	7.3	8.5	8.1
461	K48QHCC	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	1/8/1995	Pháp luật đại cương	K48QHCC	8.3	8.5	8.4
462	K48QHCC	Trần Thị Mỹ Nguyên	25/9/1996	Pháp luật đại cương	K48QHCC	9.0	9.0	9.0
463	K48QHCC	Trần Thị Anh Phương	2/1/1996	Pháp luật đại cương	K48QHCC	8.3	7.5	7.7
464	K48QHCC	Nguyễn Thị Lan Vi	16/5/1995	Pháp luật đại cương	K48QHCC	7.3	6.5	6.7
465	K48QTKDDL	Dương Thị Ngọc Chi	30/4/1996	Pháp luật đại cương	K48QTKDDL	8.3	9.5	9.1
466	K48TCSK	Nguyễn Quang Minh Khoa	24/10/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	8.0	9.5	9.1
467	K48TCSK	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	22/3/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	8.3	9.0	8.8
468	K48TCSK	Nguyễn Thị Diễm Thi	21/11/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	8.0	9.0	8.7
469	K48TMBĐT	Lê Thị Thúy Vy	7/4/1996	Pháp luật đại cương	K48TMBĐT	8.3	8.5	8.4
470	K48TTMKT	Nguyễn Văn Huy	10/2/1996	Pháp luật đại cương	K48TTMKT	8.3	8.5	8.4
471	K48TTMKT	Nguyễn Đức Phúc	21/7/1996	Pháp luật đại cương	K48TTMKT	8.3	8.5	8.4
472	K48TTMKT	Bùi Nha Trang	14/6/1996	Pháp luật đại cương	K48TTMKT	0.0	9.0	6.3
473	K49KTDL	Trần Đức Anh Kiệt	21/3/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	7.3	8.5	8.1
474	K49KTDL	Trương Thị Tuyết Nhi	3/3/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	7.3	9.5	8.8
475	K49KTDL	Nguyễn Thị Hà Nhi	28/7/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	8.3	9.5	9.1
476	K49KTDL	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	29/11/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	8.3	9.5	9.1
477	K49KTDL	Phạm Bùi Như Quỳnh	29/1/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	7.3	9.0	8.5
478	K49KTDL	Trần Anh Thư	13/10/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	7.3	9.0	8.5
479	K49KTDL	Nguyễn Đặng Thị Thùy Trang	8/1/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	8.3	9.5	9.2
480	K49KTDL	Nguyễn Thục Trinh	3/12/1996	Pháp luật đại cương	K49KTDL	7.3	8.0	7.8
481	K49KTDL	Kiều Thị Tường Vy	27/4/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	8.3	8.0	8.1
482	K49QHCC	Đặng Nguyễn Hữu Nghĩa	20/8/1996	Pháp luật đại cương	K49QHCC	8.3	5.5	6.3
483	K49QHCC	Võ Kiều Oanh	6/10/1997	Pháp luật đại cương	K49QHCC	7.3	7.0	7.1
484	K49QHCC	Lê Thị Thu Thủy	5/7/1997	Pháp luật đại cương	K49QHCC	0.0	5.5	3.9
485	K49QLLH1	Trương Thị Phương Anh	16/4/1997	Pháp luật đại cương	K49QLLH1	8.3	6.0	6.7
486	K49TCSK	Nguyễn Thị Kim Ánh	13/5/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	7.3	6.0	6.4
487	K49TCSK	Nguyễn Thị Hoàng Luyến	02/1/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	7.3	6.0	6.4
488	K49TCSK	Nguyễn Quỳnh Thư	30/7/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	8.3	7.0	7.4
489	K49TCSK	Trần Thị Thùy	22/10/1996	Pháp luật đại cương	K49TCSK	8.3	5.5	6.3
490	K49TCSK	Lê Trung Tiến	1/2/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	7.3	7.0	7.1
491	K49TMBĐT	Lê Thị Thanh Giàu	27/6/1997	Pháp luật đại cương	K49TMBĐT	7.3	7.0	7.1
492	K49TMBĐT	Ngô Thị Mỹ	30/11/1997	Pháp luật đại cương	K49TMBĐT	7.3	5.5	6.0
493	K49TMBĐT	Trương Thị Trinh	19/2/1997	Pháp luật đại cương	K49TMBĐT	8.3	4.0	5.3
494	K49TTMKT	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1/3/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	7.3	4.0	5.0
495	K49TTMKT	Hà Thúc Phương Hạnh	1/1/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	7.3	6.5	6.7
496	K49TTMKT	Võ Thị Đức Kiều	20/1/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	7.3	6.0	6.4
497	K49TTMKT	Đặng Thị Hồng Nga	11/6/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	7.3	5.5	6.0
498	K49TTMKT	Đặng Thị Mỹ Nguyệt	23/1/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	8.3	5.5	6.3
499	K49TTMKT	Trần Thị Minh Phương	30/8/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	7.3	5.5	6.0
500	K49TTMKT	Cánh Vân Tôn Nữ Anh Thy	2/10/1996	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	7.3	5.5	6.0
501	K46TMBĐT	Nguyễn Văn Đức	1/8/1994	Quản trị nhân lực	K46TMBĐT	9.3	9.3	9.3
502	K47QHCC	Trần Đức Nguyên Bảo	7/10/1995	Quản trị nhân lực	K47QHCC	9.3	10.0	9.8

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
503	K47QHCC	Phạm Đình	Sang	20/1/1995	Quản trị nhân lực	K47QHCC	9.3	8.8	8.9
504	K47TMĐT	Nguyễn Thanh Phú	Cường	26/5/1995	Quản trị nhân lực	K47TMĐT	10.0	8.5	9.0
505	K47TMĐT	Võ Thị Thu	Hiền	3/6/1995	Quản trị nhân lực	K47TMĐT	10.0	9.8	9.8
506	K47TTMKT	Lê Đức	Nhân	11/8/1994	Quản trị nhân lực	K47TTMKT	9.3	9.3	9.3
507	K48KTDL	Phan Trần Nhật	Nhung	17/6/1996	Quản trị nhân lực	K48KTDL	10.0	8.5	9.0
508	K48KTDL	Nguyễn Thị	Tâm	9/1/1996	Quản trị nhân lực	K48KTDL	10.0	10.0	10.0
509	K48KTDL	Đặng Thị Thu	Thúy	12/1/1996	Quản trị nhân lực	K48KTDL	10.0	10.0	10.0
510	K48QHCC	Lê Thị Hương	Sen	3/8/1995	Quản trị nhân lực	K48QHCC	10.0	9.5	9.7
511	K48TCSK	Dương Thị Bích	Trâm	20/8/1996	Quản trị nhân lực	K48TCSK	10.0	8.8	9.1
512	K48TCSK	Huỳnh Thái	Uyên	12/12/1996	Quản trị nhân lực	K48TCSK	9.3	8.8	8.9
513	K46HDDL	Phạm Thị Hoài	Mơ	20/5/1993	Toán C1	K46HDDL	8.7	7.0	7.5
514	K47QLLH	Hồ Ái	Như	14/7/1995	Toán C1	K47QLLH	7.0	0.0	2.1
515	K48HDDL	Lê Quốc	Linh	5/11/1995	Toán C1	K48HDDL	8.3	3.5	4.9
516	K48HDDL	Phan Thị Thúy	Nga	12/5/1996	Toán C1	K48HDDL	9.3	1.0	3.5
517	K48QHCC	Phạm Quốc	Huy	27/1/1996	Toán C1	K48QHCC	2.7	6.5	5.4
518	K48QLLH2	Trần Thị Khánh	Linh	15/2/1996	Toán C1	K48QLLH2	8.7	7.0	7.5
519	K48QTKDDL	Nguyễn Mỹ Bảo	Hưng	24/9/1996	Toán C1	K48QTKDDL	9.3	8.0	8.4
520	K48TCSK	Hồ Thị Thanh	Hiền	2/12/1996	Toán C1	K48TCSK	9.0	4.5	5.9
521	K48TMĐT	Đoàn Văn	Luyện	29/1/1995	Toán C1	K48TMĐT	8.3	7.0	7.4
522	K48TMĐT	Nguyễn	Tuấn	27/3/1995	Toán C1	K48TMĐT	8.3	8.5	8.4
523	K48TTMKT	Lê Thị	Huyền	25/2/1996	Toán C1	K48TTMKT	2.3	0.0	0.7
524	K49HDDL	Nguyễn Thị	Quý	5/8/1997	Toán C1	K49HDDL	9.3	6.0	7.0
525	K49HDDL	Nguyễn Văn	Tuấn	18/3/1997	Toán C1	K49HDDL	9.0	9.0	9.0
526	K49KTDL	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	10/11/1997	Toán C1	K49KTDL	9.0	9.0	9.0
527	K49KTDL	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	5/6/1997	Toán C1	K49KTDL	9.3	9.0	9.1
528	K49QHCC	Lê Thị Hồng	Hạnh	19/8/1997	Toán C1	K49QHCC	7.3	7.5	7.4
529	K49QHCC	Trương Thị Ngọc	Nga	2/9/1997	Toán C1	K49QHCC	7.7	8.5	8.3
530	K49QHCC	Bùi Thị Như	Ngọc	30/10/1997	Toán C1	K49QHCC	9.0	8.5	8.7
531	K49QLLH1	Lê Văn	Đức	6/1/1997	Toán C1	K49QLLH1	9.3	8.5	8.7
532	K49QLLH1	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/5/1997	Toán C1	K49QLLH1	8.0	6.5	7.0
533	K49QLLH1	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	22/5/1997	Toán C1	K49QLLH1	9.3	4.0	5.6
534	K49QLLH1	Hoàng Thị Thiên	Thanh	30/3/1997	Toán C1	K49QLLH1	9.0	3.5	5.2
535	K49QLLH1	Đinh Thị	Thùy	18/5/1997	Toán C1	K49QLLH1	9.3	4.0	5.6
536	K49QLLH2	Nguyễn Thị	Như	15/8/1997	Toán C1	K49QLLH2	8.7	6.0	6.8
537	K49QLLH2	Hoàng Thị Kim	Thúy	16/6/1995	Toán C1	K49QLLH2	8.7	6.0	6.8
538	K49QLLH3	Trần Thị Kim	Loan	29/9/1997	Toán C1	K49QLLH3	8.3	8.5	8.4
539	K49QLLH3	Trương Thị Bích	Ngọc	17/4/1997	Toán C1	K49QLLH3	9.3	6.0	7.0
540	K49QLLH3	Hồ Thanh	Thanh	1/11/1996	Toán C1	K49QLLH3	8.3	8.5	8.4
541	K49QLLH3	Nguyễn Thị Ngọc	Thị	7/4/1997	Toán C1	K49QLLH3	3.0	6.0	5.1
542	K49QLLH3	Đặng Thị Như	Ý	6/6/1997	Toán C1	K49QLLH3	9.3	8.0	8.4
543	K49QTKD	Lê Thị Ly	Na	29/9/1997	Toán C1	K49QTKD	8.7	9.0	8.9
544	K49QTKD	Nguyễn Thị	Nhi	10/9/1997	Toán C1	K49QTKD	9.0	8.0	8.3
545	K49TCSK	Trần Đức Thành	Đạt	6/4/1997	Toán C1	K49TCSK	9.3	8.0	8.4
546	K49TCSK	Trương Hoàng	Hùng	8/8/1997	Toán C1	K49TCSK	9.0	8.0	8.3
547	K49TCSK	Đinh Nữ Nhật	Linh	3/11/1997	Toán C1	K49TCSK	9.3	8.0	8.4
548	K49TCSK	Trần Thị	Linh	11/10/1997	Toán C1	K49TCSK	2.3	0.0	0.7

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	
549	K49TCSK	Nguyễn Thị Hoàng	Luyến	02/1/1997	Toán C1	K49TCSK	8.3	8.0	8.1
550	K49TCSK	Trần Thị Khánh	Ly	7/9/1997	Toán C1	K49TCSK	9.0	8.0	8.3
551	K49TCSK	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	22/9/1997	Toán C1	K49TCSK	8.3	8.0	8.1
552	K49TCSK	Trần Thị	Thùy	22/10/1996	Toán C1	K49TCSK	8.7	8.0	8.2
553	K49TMBĐT	Đoàn Thị Tố	Uyên	13/2/1997	Toán C1	K49TMBĐT	9.3	6.0	7.0
554	K49TMBĐT	Nguyễn Thị Hồng	Vân	25/2/1997	Toán C1	K49TMBĐT	9.0	2.0	4.1
555	K49TTMKT	Trần Thị Kim	Chung	17/3/1997	Toán C1	K49TTMKT	8.3	6.0	6.7
556	K49TTMKT	Hồ Thị Thanh	Thanh	6/9/1997	Toán C1	K49TTMKT	7.3	6.5	6.7
557	K49TTMKT	Lê Thị Minh	Trang	24/12/1997	Toán C1	K49TTMKT	9.3	6.5	7.3
558	K50KTDL	Huỳnh Bảo	Châu	17/7/1998	Toán C1	K50KTDL	6.0	8.5	7.8
559	K50KTDL	Đình Xuân	Hạ	12/4/1998	Toán C1	K50KTDL	9.3	3.5	5.2
560	K50KTDL	Lê Hoàng Mỹ	Loan	11/5/1997	Toán C1	K50KTDL	8.7	7.0	7.5
561	K50KTDL	Nguyễn Thị	Nhiên	20/8/1997	Toán C1	K50KTDL	9.3	8.5	8.7
562	K50KTDL	Phan Thị Kiều	Oanh	9/8/1998	Toán C1	K50KTDL	8.0	2.0	3.8
563	K50KTDL	Từ Thị Thu	Trâm	1/4/1998	Toán C1	K50KTDL	9.3	2.0	4.2
564	K50QTDVLLHC	Trần Thị Minh	Nguyệt	28/3/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.0	2.0	3.8
565	K50QTDVLLHC	Trần Lê Ngọc	Ánh	21/1/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	1.5	3.8
566	K50QTDVLLHC	Tiêu Việt	Đến	10/5/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	0.0	2.8
567	K50QTDVLLHC	Phạm Thị	Sương	14/9/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	3.5	5.2
568	K50QTDVLLHC	Nguyễn Hữu	Tiến	15/4/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	7.7	3.5	4.8
569	K50QTDVLLHC	Châu Ngọc	Cường	10/8/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	7.5	8.0
570	K50QTDVLLHC	Lê Thanh	Đạt	26/5/1996	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	7.0	7.7
571	K50QTDVLLHC	Phan Văn	Dũng	2/9/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.0	4.0	5.2
572	K50QTDVLLHC	Phạm Thị	Hoa	15/12/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.0	6.5	7.0
573	K50QTDVLLHC	Nguyễn Thị	Hương	27/5/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.7	5.0	6.1
574	K50QTDVLLHC	Nguyễn Kim	Luyết	2/10/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	7.3	6.5	6.7
575	K50QTDVLLHC	Đàm Thị	Lý	26/8/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	6.5	7.3
576	K50QTDVLLHC	Lê Thị Ngọc	Mai	30/8/1997	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	4.0	5.6
577	K50QTDVLLHC	Lê Thị Phi	Nga	8/3/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.7	6.5	7.2
578	K50QTDVLLHC	Châu Thị Quỳnh	Oanh	4/12/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.7	8.5	8.6
579	K50QTDVLLHC	Lê Việt	Phương	3/3/1997	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	5.5	6.6
580	K50QTDVLLHC	Lê Cẩm	Phương	11/9/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.7	8.0	8.2
581	K50QTDVLLHC	Phan Ngọc Minh	Quân	27/9/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	7.0	7.7
582	K50QTDVLLHC	Lê Thị	Tâm	3/8/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	6.0	7.0
583	K50QTDVLLHC	Nguyễn Thị Thu	Thào	7/10/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	6.5	7.3
584	K50QTDVLLHC	Trần Thị Hoài	Thương	2/4/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	5.0	6.3
585	K50QTDVLLHC	Nguyễn Thị	Tiên	19/5/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.0	6.5	7.0
586	K50QTDVLLHC	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/3/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.7	8.0	8.2
587	K50QTDVLLHC	Phạm Thị Thùy	Trang	25/4/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	7.7	8.0	7.9
588	K50QTDVLLHC	Lê Việt Bảo	Trung	23/6/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	7.3	5.0	5.7
589	K50QTDVLLHC	Lê Thị Ngọc	Tuyên	18/9/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	8.7	8.0	8.2
590	K50QTDVLLHC	Phan Thị Tú	Uyên	21/6/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	8.0	8.4
591	K50QTDVLLHC	Nguyễn Thế	Vũ	11/11/1998	Toán C1	K50QTDVLLHC	9.3	7.5	8.0
592	K50QTKDA	Ngô Thị Vân	Anh	20/2/1998	Toán C1	K50QTKDA	9.3	5.0	6.3
593	K50QTKDA	Trần Thị Thúy	Bình	4/11/1997	Toán C1	K50QTKDA	9.0	4.5	5.9
594	K50QTKDA	Nguyễn Huỳnh Yên	Chi	9/5/1998	Toán C1	K50QTKDA	9.3	5.0	6.3

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
595	K50QTKDA	Trương Huyền	Diệu	20/9/1998	Toán C1	K50QTKDA	9.3	5.0	6.3
596	K50QTKDA	Lê Thị Thanh	Hương	14/7/1998	Toán C1	K50QTKDA	9.0	5.5	6.6
597	K50QTKDA	Nguyễn Thị	Hường	5/8/1998	Toán C1	K50QTKDA	8.0	5.5	6.3
598	K50QTKDA	Đào Thị Mỹ	Kiều	28/6/1998	Toán C1	K50QTKDA	8.7	5.5	6.5
599	K50QTKDA	Dương Thị Trà	Mì	3/7/1998	Toán C1	K50QTKDA	8.0	5.5	6.3
600	K50QTKDA	Đào Thị Diệu	Minh	9/2/1998	Toán C1	K50QTKDA	9.3	7.0	7.7
601	K50QTKDA	Lưu Thị Uyên	My	28/11/1998	Toán C1	K50QTKDA	9.3	5.0	6.3
602	K50QTKDA	Đỗ Thị Phương	Thảo	19/10/1997	Toán C1	K50QTKDA	8.7	5.0	6.1
603	K50QTKDA	Võ Thị	Thom	6/8/1998	Toán C1	K50QTKDA	6.7	6.0	6.2
604	K50QTKDA	Dương Bảo	Trâm	8/3/1998	Toán C1	K50QTKDA	8.0	5.0	5.9
605	K50QTKDA	Lê Thị Thùy	Uyên	3/5/1998	Toán C1	K50QTKDA	9.3	5.0	6.3
606	K50QTKDB	Nguyễn Thành	Đạt	2/1/1998	Toán C1	K50QTKDB	9.0	4.5	5.9
607	K50QTKDB	Hồ Minh	Hiếu	09/7/1998	Toán C1	K50QTKDB	8.0	5.5	6.3
608	K50QTKDB	Văn Tiến	Hiếu	1/1/1996	Toán C1	K50QTKDB	8.0	4.5	5.6
609	K50QTKDB	Cái Thị Hồng	Hiếu	23/9/1998	Toán C1	K50QTKDB	7.7	5.5	6.2
610	K50QTKDB	Ngô Gia	Huy	21/10/1998	Toán C1	K50QTKDB	7.3	3.0	4.3
611	K50QTKDB	Trần Thị Thanh	Nhàn	1/9/1998	Toán C1	K50QTKDB	9.3	5.5	6.6
612	K50QTKDB	Phan Thị Hồng	Thanh	16/7/1998	Toán C1	K50QTKDB	7.7	6.0	6.5
613	K50QTKDB	Trần Thị Thu	Thảo	15/7/1998	Toán C1	K50QTKDB	9.3	6.0	7.0
614	K50QTKDC	Lê Thị	Nhi	26/3/1998	Toán C1	K50QTKDC	8.0	6.0	6.6
615	K50QTKDC	Trương Thị	Ny	18/7/1998	Toán C1	K50QTKDC	8.0	6.0	6.6
616	K50QTKDC	Võ Thị Thúy	Oanh	22/7/1998	Toán C1	K50QTKDC	8.0	6.0	6.6
617	K50QTKDC	Lê Phan Bảo	Tịnh	29/12/1997	Toán C1	K50QTKDC	8.0	8.0	8.0
618	K50QTKDC	Nguyễn Thị Hà	Trang	9/3/1998	Toán C1	K50QTKDC	6.7	9.0	8.3
619	K50QTKDC	Võ Thị	Trinh	17/3/1997	Toán C1	K50QTKDC	6.7	8.5	8.0
620	K50QTKDC	Lê Thị Hồng	Vân	29/3/1998	Toán C1	K50QTKDC	6.7	6.5	6.6
621	K47HDDL	Trần Thị Việt	Oanh	22/9/1995	Toán C2	K47HDDL	0.0	6.5	4.6
622	K47HDDL	Phan Thị Thu	Thúy	2/12/1995	Toán C2	K47HDDL	0.0	6.5	4.6
623	K47KTDL	Nguyễn Châu	Thảo	25/9/1995	Toán C2	K47KTDL	7.3	0.0	2.2
624	K47QHCC	Võ Thành	Hiếu	26/3/1994	Toán C2	K47QHCC	8.3	7.0	7.4
625	K47QLLH	Hồ Ái	Như	14/7/1995	Toán C2	K47QLLH	0.0	2.5	1.8
626	K47TMĐT	Nguyễn Thanh Phú	Cường	26/5/1995	Toán C2	K47TMĐT	9.0	5.5	6.6
627	K47TMĐT	Hà Thái Hồng	Diệu	17/10/1995	Toán C2	K47TMĐT	8.7	5.5	6.5
628	K47TMĐT	Trần Nguyễn Đại	Dương	15/10/1995	Toán C2	K47TMĐT	9.0	5.0	6.2
629	K47TMĐT	Nguyễn Việt	Duyệt	30/7/1994	Toán C2	K47TMĐT	9.0	6.0	6.9
630	K47TMĐT	Nguyễn Minh	Hùng	01/2/1995	Toán C2	K47TMĐT	8.7	6.0	6.8
631	K47TMĐT	Nguyễn Ngọc	Hương	16/8/1995	Toán C2	K47TMĐT	8.3	6.0	6.7
632	K47TMĐT	Ngô Việt	Quang	18/4/1995	Toán C2	K47TMĐT	8.0	6.0	6.6
633	K47TTMKT	Phan Thị Tuyết	Mai	14/8/1995	Toán C2	K47TTMKT	7.0	8.0	7.7
634	K48HDDL	Nguyễn Thị Thu	Hoài	17/2/1996	Toán C2	K48HDDL	8.7	6.5	7.2
635	K48HDDL	Phan Thị Thúy	Nga	12/5/1996	Toán C2	K48HDDL	8.7	4.0	5.4
636	K48HDDL	Trần Thị Huyền	Trang	6/11/1996	Toán C2	K48HDDL	0.0	0.0	0.0
637	K48QLLH2	Nguyễn Thị	Lời	20/7/1996	Toán C2	K48QLLH2	0.0	0.0	0.0
638	K48QTKDDL	Nguyễn Mỹ Bảo	Hưng	24/9/1996	Toán C2	K48QTKDDL	6.7	5.0	5.5
639	K48TMĐT	Ngô Quỳnh	An	25/4/1996	Toán C2	K48TMĐT	8.3	7.0	7.4
640	K48TMĐT	Nguyễn	Tuấn	27/3/1995	Toán C2	K48TMĐT	6.7	5.0	5.5

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
641	K49HDDL	Lê Hoàng	Đức	10/8/1997	Toán C2	K49HDDL	8.3	5.0	6.0
642	K49KTDL	Huỳnh Thị	Hiền	20/5/1996	Toán C2	K49KTDL	9.0	5.0	6.2
643	K49QHCC	Dương Ngọc Phương	Anh	27/6/1997	Toán C2	K49QHCC	8.3	7.0	7.4
644	K49QLLH1	Huỳnh Thị Minh	Châu	21/8/1997	Toán C2	K49QLLH1	8.7	5.0	6.1
645	K49QLLH1	Lê Văn	Đức	6/1/1997	Toán C2	K49QLLH1	5.7	6.5	6.3
646	K49QLLH1	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/5/1997	Toán C2	K49QLLH1	8.7	5.0	6.1
647	K49QLLH2	Nguyễn Thùy	Mai	3/8/1997	Toán C2	K49QLLH2	8.0	4.5	5.6
648	K49QLLH2	Nguyễn Dương	Quỳnh	8/9/1997	Toán C2	K49QLLH2	7.3	7.0	7.1
649	K49QLLH3	Trương Thị Bích	Ngọc	17/4/1997	Toán C2	K49QLLH3	8.3	6.0	6.7
650	K49QLLH3	Nguyễn Trần Kim	Nguyên	1/1/1996	Toán C2	K49QLLH3	8.3	5.0	6.0
651	K49QLLH3	Nguyễn Thị	Thanh	19/7/1996	Toán C2	K49QLLH3	9.7	5.0	6.4
652	K49QLLH3	Nguyễn Thị Ngọc	Thị	7/4/1997	Toán C2	K49QLLH3	8.3	7.0	7.4
653	K49QLLH3	Đặng Thị Như	Ý	6/6/1997	Toán C2	K49QLLH3	8.7	6.5	7.2
654	K49QTKD	Vân Thị Ngọc Thanh	Diệp	5/5/1997	Toán C2	K49QTKD	8.7	6.5	7.2
655	K49QTKD	Lê Thị Ly	Na	29/9/1997	Toán C2	K49QTKD	8.7	7.5	7.9
656	K49TCSK	Nguyễn Thị Kim	Ánh	13/5/1997	Toán C2	K49TCSK	9.0	7.0	7.6
657	K49TCSK	Nguyễn Thị	Hằng	23/3/1997	Toán C2	K49TCSK	8.7	7.5	7.9
658	K49TCSK	Trần Thị Khánh	Ly	7/9/1997	Toán C2	K49TCSK	8.0	7.5	7.7
659	K49TCSK	Trần Thị Khánh	Vân	5/5/1997	Toán C2	K49TCSK	7.0	6.5	6.7
660	K49TMBĐT	Nguyễn Khoa Thị Thùy	Linh	29/5/1997	Toán C2	K49TMBĐT	7.0	7.0	7.0
661	K49TTMKT	Nguyễn Phước	Quang	24/4/1996	Toán C2	K49TTMKT	9.7	7.0	7.8
662	K50KTDL	Huỳnh Bảo	Châu	17/7/1998	Toán C2	K50KTDL	8.0	6.5	7.0
663	K50KTDL	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	2/8/1998	Toán C2	K50KTDL	8.7	5.0	6.1
664	K50KTDL	Đặng Mỹ	Duyên	1/1/1998	Toán C2	K50KTDL	9.0	7.0	7.6
665	K50KTDL	Đình Đặng Minh	Hằng	18/11/1998	Toán C2	K50KTDL	8.0	6.5	7.0
666	K50KTDL	Vân Ny	Hồng	1/1/1997	Toán C2	K50KTDL	8.3	6.0	6.7
667	K50KTDL	Hồ Đăng Nhật	Huy	7/4/1997	Toán C2	K50KTDL	8.0	6.5	7.0
668	K50KTDL	Lê Hoàng Mỹ	Loan	11/5/1997	Toán C2	K50KTDL	8.0	7.0	7.3
669	K50KTDL	Nguyễn Cảnh	Nhân	23/9/1998	Toán C2	K50KTDL	8.3	8.0	8.1
670	K50KTDL	Nguyễn Thị	Nhiên	20/8/1997	Toán C2	K50KTDL	9.0	8.0	8.3
671	K50KTDL	Phan Thị Kiều	Oanh	9/8/1998	Toán C2	K50KTDL	8.7	7.5	7.9
672	K50KTDL	Phạm Thị Kim	Phượng	5/11/1998	Toán C2	K50KTDL	9.7	8.0	8.5
673	K50KTDL	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	27/7/1998	Toán C2	K50KTDL	8.7	7.0	7.5
674	K50KTDL	Nguyễn Thị Hương	Sen	20/2/1998	Toán C2	K50KTDL	8.0	7.0	7.3
675	K50KTDL	Võ Phước Minh	Tân	26/3/1998	Toán C2	K50KTDL	7.0	7.5	7.4
676	K50KTDL	Trần Thị Hoài	Thu	18/8/1998	Toán C2	K50KTDL	9.0	7.5	8.0
677	K50KTDL	Từ Thị Thu	Trâm	1/4/1998	Toán C2	K50KTDL	9.7	7.0	7.8
678	K50QTDVLLH	Nguyễn Thị Song	Lệ	11/2/1997	Toán C2	K50QTDVLLH	7.0	7.5	7.4
679	K50QTDVLLH	Trần Thị Minh	Nguyệt	28/3/1998	Toán C2	K50QTDVLLH	9.0	6.5	7.3
680	K50QTDVLLH	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/8/1997	Toán C2	K50QTDVLLH	9.7	7.5	8.2
681	K50QTDVLLH	Trần Lê Ngọc	Ánh	21/1/1998	Toán C2	K50QTDVLLH	9.7	8.0	8.5
682	K50QTDVLLH	Lê Thị	Duyên	23/7/1998	Toán C2	K50QTDVLLH	9.3	0.0	2.8
683	K50QTDVLLH	Lê Tấn Nhật	Hiếu	26/1/1998	Toán C2	K50QTDVLLH	9.0	6.0	6.9
684	K50QTDVLLH	Dương Thị Ngọc	Mai	7/7/1998	Toán C2	K50QTDVLLH	8.7	8.5	8.6
685	K50QTDVLLH	Trần Việt	Mẫn	7/2/1997	Toán C2	K50QTDVLLH	9.0	8.5	8.7
686	K50QTDVLLH	Lê Thị Phương	Nho	16/1/1998	Toán C2	K50QTDVLLH	10.0	8.0	8.6

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
687	K50QTDVDDLH	Nguyễn Tấn Quý	6/9/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	8.3	7.0	7.4
688	K50QTDVDDLH	Phạm Thị Sương	14/9/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.0	7.0	7.6
689	K50QTDVDDLH	Lê Đắc Thịnh	22/8/1997	Toán C2	K50QTDVDDLH	8.3	6.0	6.7
690	K50QTDVDDLH	Nguyễn Thị Tinh	8/3/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	8.7	4.0	5.4
691	K50QTDVDDLH	Nguyễn Hoàng Tú Trinh	30/12/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.0	4.0	5.5
692	K50QTDVDDLH	Nguyễn Hạnh Tuyền	10/12/1997	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.3	6.5	7.3
693	K50QTDVDDLH	Nguyễn Kim Luyt	2/10/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.0	6.0	6.9
694	K50QTDVDDLH	Nguyễn Thị Ngư	19/6/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	8.7	5.5	6.5
695	K50QTDVDDLH	Châu Thị Quỳnh Oanh	4/12/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.7	6.5	7.5
696	K50QTDVDDLH	Lê Cẩm Phương	11/9/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.3	7.0	7.7
697	K50QTDVDDLH	Phan Ngọc Minh Quân	27/9/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	8.3	7.0	7.4
698	K50QTDVDDLH	Trần Công Quý	22/3/1997	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.0	7.0	7.6
699	K50QTDVDDLH	Trần Đại Thắng	22/6/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.0	6.0	6.9
700	K50QTDVDDLH	Nguyễn Thị Thanh	24/2/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	7.3	7.0	7.1
701	K50QTDVDDLH	Nguyễn Thị Thu Thảo	7/10/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	8.0	6.0	6.6
702	K50QTDVDDLH	Hoàn Đan Thùy	10/5/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	5.0	6.0	5.7
703	K50QTDVDDLH	Phan Thị Tú Uyên	21/6/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.0	7.5	8.0
704	K50QTDVDDLH	Trần Thị Kim Yến	27/11/1998	Toán C2	K50QTDVDDLH	9.0	7.0	7.6
705	K50QTKDA	Ngô Thị Vân Anh	20/2/1998	Toán C2	K50QTKDA	9.0	6.0	6.9
706	K50QTKDA	Lê Thị Thu Hoài	28/7/1998	Toán C2	K50QTKDA	9.0	6.5	7.3
707	K50QTKDA	Nguyễn Thị Hường	5/8/1998	Toán C2	K50QTKDA	8.7	4.0	5.4
708	K50QTKDA	Lê Thị Thanh Hương	14/7/1998	Toán C2	K50QTKDA	7.7	0.0	2.3
709	K50QTKDA	Trần Thị Như Ngọc	17/8/1998	Toán C2	K50QTKDA	9.0	6.0	6.9
710	K50QTKDA	Hoàng Thị Thắm	23/12/1998	Toán C2	K50QTKDA	9.0	4.5	5.9
711	K50QTKDA	Dương Bảo Trâm	8/3/1998	Toán C2	K50QTKDA	8.7	5.0	6.1
712	K50QTKDA	Lê Thị Thùy Uyên	3/5/1998	Toán C2	K50QTKDA	9.0	6.0	6.9
713	K50QTKDB	Nguyễn Thành Đạt	2/1/1998	Toán C2	K50QTKDB	8.3	7.0	7.4
714	K50QTKDB	Đỗ Diệu	18/5/1996	Toán C2	K50QTKDB	9.0	5.0	6.2
715	K50QTKDB	Hồ Minh Hiếu	09/7/1998	Toán C2	K50QTKDB	8.7	5.5	6.5
716	K50QTKDB	Văn Tiến Hiếu	1/1/1996	Toán C2	K50QTKDB	9.0	7.5	8.0
717	K50QTKDB	Cái Thị Hồng Hiếu	23/9/1998	Toán C2	K50QTKDB	8.3	7.0	7.4
718	K50QTKDB	Ngô Gia Huy	21/10/1998	Toán C2	K50QTKDB	8.3	5.5	6.3
719	K50QTKDB	Nguyễn Thị Quỳnh Như	4/1/1998	Toán C2	K50QTKDB	8.7	6.5	7.2
720	K50QTKDB	Hà Thị Sâm	10/1/1998	Toán C2	K50QTKDB	9.3	6.0	7.0
721	K50QTKDB	Trần Lê Tiêu Song	12/11/1997	Toán C2	K50QTKDB	0.0	0.0	0.0
722	K50QTKDB	Phan Thị Hồng Thanh	16/7/1998	Toán C2	K50QTKDB	8.3	5.0	6.0
723	K50QTKDB	Trần Thanh Nhật Thi	6/10/1998	Toán C2	K50QTKDB	8.0	5.0	5.9
724	K50QTKDB	Nguyễn Lê Anh Thư	23/2/1998	Toán C2	K50QTKDB	9.3	7.0	7.7
725	K50QTKDB	Phoutsamay Phengbuavanh	17/6/1998	Toán C2	K50QTKDB	8.7	6.0	6.8
726	K50QTKDB	Linly Koutsabath	8/10/1997	Toán C2	K50QTKDB	9.0	7.0	7.6
727	K50QTKDC	Nguyễn Quốc Bảo	7/6/1998	Toán C2	K50QTKDC	8.7	5.5	6.5
728	K50QTKDC	Nguyễn Thị Mỹ Hào	16/3/1998	Toán C2	K50QTKDC	9.0	7.0	7.6
729	K50QTKDC	Huỳnh Ngọc Huyền	20/4/1998	Toán C2	K50QTKDC	9.0	6.5	7.3
730	K50QTKDC	Phan Thị Ngân	17/7/1997	Toán C2	K50QTKDC	7.3	6.5	6.7
731	K50QTKDC	Lê Thị Kim Ngân	19/4/1998	Toán C2	K50QTKDC	8.7	9.0	8.9
732	K50QTKDC	Phan Thị Nguyên	17/7/1997	Toán C2	K50QTKDC	8.0	8.0	8.0

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
733	K50QTKDC	Hà Đức	Nhật	16/12/1998	Toán C2	K50QTKDC	8.0	7.5	7.7
734	K50QTKDC	Lê Thị	Nhi	26/3/1998	Toán C2	K50QTKDC	7.0	6.5	6.7
735	K50QTKDC	Võ Thị Thúy	Oanh	22/7/1998	Toán C2	K50QTKDC	7.7	7.0	7.2
736	K50QTKDC	Võ Thị	Trinh	17/3/1997	Toán C2	K50QTKDC	9.0	6.5	7.3
737	K50QTKDC	Lê Thị Hồng	Vân	29/3/1998	Toán C2	K50QTKDC	8.3	6.5	7.0
738	K46TMBĐT	Nguyễn Văn	Đức	1/8/1994	Tin học đại cương	K46TMBĐT	10.0	9.7	9.8
739	K47QHCC	Nguyễn Thanh	Thùy	27/2/1995	Tin học đại cương	K47QHCC	9.5	8.2	8.7
740	K47QHCC	Nguyễn Thị	Ty	16/4/1995	Tin học đại cương	K47QHCC	9.0	8.2	8.5
741	K47TMBĐT	Nguyễn Thanh Phú	Cường	26/5/1995	Tin học đại cương	K47TMBĐT	10.0	9.3	9.6
742	K47TMBĐT	Võ Thị Thu	Hiền	3/6/1995	Tin học đại cương	K47TMBĐT	10.0	9.0	9.4
743	K47TMBĐT	Lê Đình Phương	Nhi	29/11/1995	Tin học đại cương	K47TMBĐT	10.0	9.3	9.6
744	K47TMBĐT	Trần Thị Ngọc	Oanh	2/11/1995	Tin học đại cương	K47TMBĐT	9.8	8.5	9.0
745	K47TTMKT	Lê Đức	Nhân	11/8/1994	Tin học đại cương	K47TTMKT	9.5	8.7	9.0
746	K48KTDL	Lê Thị Quỳnh	Tiên	29/6/1996	Tin học đại cương	K48KTDL	9.5	8.7	9.0
747	K48TCSK	Nguyễn Quang Minh	Khoa	24/10/1996	Tin học đại cương	K48TCSK	8.5	8.7	8.6
748	K48TTMKT	Nguyễn Thị	Bông	10/6/1995	Tin học đại cương	K48TTMKT	9.0	7.3	8.0
749	K48TTMKT	Nguyễn Thị	Gấm	6/10/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	8.5	0.0	3.4
750	K48TTMKT	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/1/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	8.5	0.0	3.4
751	K50QTKDB	Trần Thị Thu	Thảo	15/7/1998	Tin học đại cương	K50QTKDB	10.0	7.0	8.2
752	K47QLLH	Hồ Ái	Như	14/7/1995	Tâm lý đại cương	K47QLLH	7.0	6.0	6.3
753	K47TMBĐT	Trần Thị	Hạnh	7/10/1994	Tâm lý đại cương	K47TMBĐT	9.0	6.0	6.9
754	K47TMBĐT	Lữ Thị Diệu	Phương	3/12/1995	Tâm lý đại cương	K47TMBĐT	7.0	5.0	5.6
755	K48KTDL	Châu Thị Như	Quỳnh	4/6/1996	Tâm lý đại cương	K48KTDL	9.0	5.5	6.6
756	K48QHCC	Lê Phước Phi	Luyt	10/10/1992	Tâm lý đại cương	K48QHCC	7.0	8.0	7.7
757	K48QHCC	Trương Thảo	My	22/5/1996	Tâm lý đại cương	K48QHCC	8.0	6.5	7.0
758	K48QHCC	Lê Thị Hương	Sen	3/8/1995	Tâm lý đại cương	K48QHCC	8.0	8.0	8.0
759	K48TCSK	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	22/3/1996	Tâm lý đại cương	K48TCSK	10.0	5.0	6.5
760	K48TMBĐT	Đoàn Văn	Luyện	29/1/1995	Tâm lý đại cương	K48TMBĐT	8.0	4.0	5.2
761	K48TMBĐT	Lê Thị Thúy	Vy	7/4/1996	Tâm lý đại cương	K48TMBĐT	7.0	0.0	2.1
762	K48TTMKT	Nguyễn Đức	Phúc	21/7/1996	Tâm lý đại cương	K48TTMKT	7.0	0.0	2.1
763	K49KTDL	Huỳnh Thị	Hiền	20/5/1996	Tâm lý đại cương	K49KTDL	9.0	7.5	8.0
764	K49KTDL	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	5/6/1997	Tâm lý đại cương	K49KTDL	10.0	6.5	7.6
765	K49QHCC	Lê Thị Hồng	Hạnh	19/8/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	8.0	8.5	8.4
766	K49QHCC	Đặng Thị	Ngà	4/11/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	9.0	7.0	7.6
767	K49QHCC	Đỗ Lê Nhật	Quang	7/12/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	10.0	8.0	8.6
768	K49QHCC	Lê Thị Thu	Thùy	5/7/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	7.0	7.5	7.4
769	K49QHCC	Lê Thị	Trang	2/3/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	7.7	8.5	8.3
770	K49QHCC	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	6/6/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	9.0	8.0	8.3
771	K49QLLH3	Đoàn Vinh	Phước	17/6/1997	Tâm lý đại cương	K49QLLH3	9.0	4.5	5.9
772	K49QTKD	Trần Thị Tố	Trinh	01/5/1997	Tâm lý đại cương	K49QTKD	9.0	8.0	8.3
773	K49QTKD	Lê Thị Quỳnh	Vân	1/2/1997	Tâm lý đại cương	K49QTKD	9.0	9.0	9.0
774	K49TCSK	Bùi Thị Quỳnh	An	27/4/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	10.0	0.0	3.0
775	K49TCSK	Bùi Thị Thu	Hiền	20/11/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	10.0	8.0	8.6
776	K49TCSK	Trần Lê Hoài	Như	30/10/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	9.0	7.5	8.0
777	K49TCSK	Lê Trung	Tiến	1/2/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	9.0	7.0	7.6
778	K49TMBĐT	Lê Thị Thanh	Giàu	27/6/1997	Tâm lý đại cương	K49TMBĐT	8.0	6.5	7.0

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
779	K49TMĐT	Ngô Thị Mỹ	30/11/1997	Tâm lý đại cương	K49TMĐT	8.0	7.0	7.3
780	K49TMĐT	Lê Thị Trang	26/12/1997	Tâm lý đại cương	K49TMĐT	9.0	7.0	7.6
781	K49TMĐT	Nguyễn Xuân Minh Tuấn	9/5/1997	Tâm lý đại cương	K49TMĐT	9.0	6.5	7.3
782	K49TTMKT	Hà Thúc Phương Hạnh	1/1/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	10.0	8.0	8.6
783	K49TTMKT	Vô Thị Hương	6/1/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	9.0	8.5	8.7
784	K49TTMKT	Đặng Thị Mỹ Nguyệt	23/1/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	8.0	8.5	8.4
785	K49TTMKT	Hoàng Nhật Thái	13/5/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	9.0	7.5	8.0
786	K49TTMKT	Hồ Thị Thanh Thanh	6/9/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	10.0	8.0	8.6
787	K49TTMKT	Cành Văn Tôn Nữ Anh Thy	2/10/1996	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	9.0	6.5	7.3
788	K49TTMKT	Lê Thị Minh Trang	24/12/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	10.0	7.5	8.3
789	K49TTMKT	Nguyễn Thị Kim Xuân	13/2/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	9.0	7.5	8.0
790	K50QTDVDLLHC	Lê Thanh Đạt	26/5/1996	Tâm lý đại cương	K50QTDVDLLHC	9.0	8.0	8.3
791	K50QTDVDLLHC	Nguyễn Thị Hương	27/5/1998	Tâm lý đại cương	K50QTDVDLLHC	9.0	5.0	6.2
792	K47QHCC	Lương Mỹ Linh	21/7/1995	Tổng quan du lịch	K47QHCC	8.3	8.5	8.4
793	K47QLLH	Hoàng Nguyễn Ngọc Diệp	30/3/1995	Tổng quan du lịch	K47QLLH	9.0	8.0	8.3
794	K47TTMKT	Lê Đức Nhân	11/8/1994	Tổng quan du lịch	K47TTMKT	8.3	9.0	8.8
795	K48QHCC	Đặng Thị Bích Chi	27/6/1996	Tổng quan du lịch	K48QHCC	10.0	9.0	9.3
796	K48QHCC	Nguyễn Thị Kim Huê	4/11/1996	Tổng quan du lịch	K48QHCC	9.3	7.0	7.7
797	K48QHCC	Phạm Quốc Huy	27/1/1996	Tổng quan du lịch	K48QHCC	8.3	7.0	7.4
798	K48QHCC	Nguyễn Thị Kim	11/11/1995	Tổng quan du lịch	K48QHCC	9.0	7.0	7.6
799	K48QHCC	Lê Phước Phi Luyt	10/10/1992	Tổng quan du lịch	K48QHCC	9.0	8.0	8.3
800	K48QLLH1	Lê Thị Mạnh Khương	27/6/1996	Tổng quan du lịch	K48QLLH1	9.7	8.5	8.9
801	K48QLLH1	Hồ Thị Lộc	25/10/1995	Tổng quan du lịch	K48QLLH1	9.7	8.5	8.9
802	K48QLLH1	Mai Thị Hà Vy	26/2/1996	Tổng quan du lịch	K48QLLH1	9.7	9.5	9.6
803	K48TCSK	Trương Thúy Hà	26/11/1996	Tổng quan du lịch	K48TCSK	8.3	7.0	7.4
804	K48TCSK	Lê Ngọc Phương Nhi	14/12/1995	Tổng quan du lịch	K48TCSK	8.7	8.0	8.2
805	K48TMĐT	Lê Thị Thúy Vy	7/4/1996	Tổng quan du lịch	K48TMĐT	8.7	8.5	8.6
806	K48TTMKT	Phan Thị Trà Ny	21/4/1996	Tổng quan du lịch	K48TTMKT	8.7	7.0	7.5
807	K48TTMKT	Nguyễn Sỹ Tài	5/6/1996	Tổng quan du lịch	K48TTMKT	8.0	0.0	2.4
808	K48TTMKT	Nguyễn Thị Phương Thúy	12/11/1996	Tổng quan du lịch	K48TTMKT	9.0	8.5	8.7
809	K48TTMKT	Đoàn Thị Thanh Trang	1/12/1996	Tổng quan du lịch	K48TTMKT	9.3	8.0	8.4
810	K10 Pháp (ĐHNN	Phan Thị Diệu Tâm	20/9/1994	Tư tưởng HCM	K10 Pháp (ĐHNN	8.6	6.5	7.3
811	K47QHCC	Nguyễn Thị Việt Nga	23/4/1995	Tư tưởng HCM	K47QHCC	0.0	8.5	5.1
812	K47TMĐT	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	Tư tưởng HCM	K47TMĐT	8.6	8.5	8.5
813	K47TMĐT	Hà Thái Hồng Diệu	17/10/1995	Tư tưởng HCM	K47TMĐT	8.9	8.5	8.7
814	K47TMĐT	Trần Thị Hạnh	7/10/1994	Tư tưởng HCM	K47TMĐT	8.9	8.5	8.7
815	K47TMĐT	Nguyễn Minh Hùng	01/2/1995	Tư tưởng HCM	K47TMĐT	8.9	0.0	3.6
816	K47TMĐT	Lữ Thị Diệu Phương	3/12/1995	Tư tưởng HCM	K47TMĐT	8.6	8.5	8.5
817	K48HDDL	Nguyễn Thị Thu Hoài	17/2/1996	Tư tưởng HCM	K48HDDL	8.0	8.0	8.0
818	K48KTDL	Trần Thị Như Ngọc	13/10/1996	Tư tưởng HCM	K48KTDL	8.6	8.5	8.5
819	K48QHCC	Nguyễn Thị Kim	11/11/1995	Tư tưởng HCM	K48QHCC	8.6	8.0	8.2
820	K48TMĐT	Lê Thị Thúy Vy	7/4/1996	Tư tưởng HCM	K48TMĐT	8.9	8.5	8.7
821	K49QHCC	Đỗ Lê Nhật Quang	7/12/1997	Tư tưởng HCM	K49QHCC	8.0	8.5	8.3
822	K49QHCC	Vô Thiệu Tuấn	5/1/1997	Tư tưởng HCM	K49QHCC	8.9	8.5	8.7
823	K49QLLH1	Trương Thị Phương Anh	16/4/1997	Tư tưởng HCM	K49QLLH1	8.0	8.0	8.0
824	K49QLLH1	Phạm Thị Ngọc Trâm	10/7/1997	Tư tưởng HCM	K49QLLH1	8.6	8.5	8.5

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
825	K49QTKD	Hồ Đình	Lực	19/6/1997	Tư tưởng HCM	K49QTKD	8.6	8.0	8.2
826	K49TCSK	Lê Thị Thu	Hường	10/5/1997	Tư tưởng HCM	K49TCSK	8.9	8.5	8.7
827	K49TCSK	Nguyễn Quỳnh	Thư	30/7/1997	Tư tưởng HCM	K49TCSK	0.0	0.0	0.0
828	K49TCSK	Lê Trung	Tiến	1/2/1997	Tư tưởng HCM	K49TCSK	0.0	8.5	5.1
829	K49TMBĐT	Phan Thị Ngọc	Nương	17/9/1997	Tư tưởng HCM	K49TMBĐT	8.9	8.5	8.7
830	K49TTMKT	Hồ Thị Thanh	Thanh	6/9/1997	Tư tưởng HCM	K49TTMKT	8.6	8.5	8.5
831	K47HDDL	Đào Xuân	Sơn	14/5/1995	Xác suất thống kê	K47HDDL	5.0	2.5	3.3
832	K47HDDL	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	12/9/1995	Xác suất thống kê	K47HDDL	0.0	4.0	2.8
833	K47QHCC	Vương Thị Thanh	Huyền	19/8/1995	Xác suất thống kê	K47QHCC	9.0	3.0	4.8
834	K47QHCC	Lương Mỹ	Linh	21/7/1995	Xác suất thống kê	K47QHCC	8.3	2.5	4.2
835	K47QHCC	Nguyễn Thị Việt	Nga	23/4/1995	Xác suất thống kê	K47QHCC	5.7	4.5	4.9
836	K47QLLH	Hồ Ái	Như	14/7/1995	Xác suất thống kê	K47QLLH	0.7	0.0	0.2
837	K47TMBĐT	Trần Nguyễn Đại	Dương	15/10/1995	Xác suất thống kê	K47TMBĐT	7.7	2.5	4.1
838	K47TMBĐT	Nguyễn Việt	Duyệt	30/7/1994	Xác suất thống kê	K47TMBĐT	6.7	4.0	4.8
839	K47TMBĐT	Nguyễn Minh	Hùng	01/2/1995	Xác suất thống kê	K47TMBĐT	7.0	3.0	4.2
840	K47TMBĐT	Lê Đức Bảo	Ngọc	01/2/1995	Xác suất thống kê	K47TMBĐT	6.7	5.0	5.5
841	K47TMBĐT	Lương Phan Minh	Quý	8/12/1995	Xác suất thống kê	K47TMBĐT	6.7	3.0	4.1
842	K47TTMKT	Lê Đức	Nhân	11/8/1994	Xác suất thống kê	K47TTMKT	9.0	4.0	5.5
843	K48HDDL	Nguyễn Thị	Quyên	7/4/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	0.0	0.0	0.0
844	K48HDDL	Lê Thị Thanh	Tâm	30/3/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	0.0	0.0	0.0
845	K48HDDL	Lê Công Bá	Thiện	2/1/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	0.7	0.0	0.2
846	K48KTDL	Trần Thị Thu	Hiền	20/3/1996	Xác suất thống kê	K48KTDL	4.7	4.5	4.6
847	K48KTDL	Phan Trần Nhật	Nhung	17/6/1996	Xác suất thống kê	K48KTDL	5.0	4.5	4.7
848	K48KTDL	Nguyễn Thị Ái	Quỳnh	24/2/1996	Xác suất thống kê	K48KTDL	0.0	4.5	3.2
849	K48KTDL	Phạm Thị	Tý	17/7/1995	Xác suất thống kê	K48KTDL	8.0	5.0	5.9
850	K48QHCC	Ngô Thị Minh	Châu	3/6/1996	Xác suất thống kê	K48QHCC	6.3	4.5	5.0
851	K48QHCC	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	1/8/1995	Xác suất thống kê	K48QHCC	6.3	3.5	4.3
852	K48QHCC	Khương Quốc	Hưng	22/1/1995	Xác suất thống kê	K48QHCC	5.0	4.0	4.3
853	K48QHCC	Nguyễn Thị Lan	Vi	16/5/1995	Xác suất thống kê	K48QHCC	7.3	4.5	5.3
854	K48QLLH1	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	10/12/1996	Xác suất thống kê	K48QLLH1	7.3	3.0	4.3
855	K48QLLH1	Hồ Thị	Lộc	25/10/1995	Xác suất thống kê	K48QLLH1	7.7	4.0	5.1
856	K48TCSK	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	22/3/1996	Xác suất thống kê	K48TCSK	10.0	7.5	8.3
857	K48TCSK	Nguyễn Song Thùy	Trang	28/3/1996	Xác suất thống kê	K48TCSK	7.0	6.0	6.3
858	K48TTMKT	Bùi Nha	Trang	14/6/1996	Xác suất thống kê	K48TTMKT	0.0	0.0	0.0
859	K49HDDL	Nguyễn Thị Minh	Châu	29/10/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.3	5.0	5.7
860	K49HDDL	Đỗ Văn Minh	Chính	29/5/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	9.3	4.0	5.6
861	K49HDDL	Lê Quang	Duận	3/2/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	0.0	0.0	0.0
862	K49HDDL	Phan Thanh	Đức	12/3/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	9.3	4.0	5.6
863	K49HDDL	Trần Thị	Dung	4/7/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	9.7	7.5	8.2
864	K49HDDL	Tạ Vĩnh	Hạ	23/7/1996	Xác suất thống kê	K49HDDL	8.0	4.5	5.6
865	K49HDDL	Hà Thị Tuyết	Hậu	12/8/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	8.7	6.0	6.8
866	K49HDDL	Vân Thị	Hiền	1/8/1996	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.7	2.5	4.1
867	K49HDDL	Lê Xuân	Hùng	2/6/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.7	2.5	4.1
868	K49HDDL	Phan Thị	Huyền	20/10/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	8.7	6.5	7.2
869	K49HDDL	Nguyễn Thị Hồng	Lĩnh	14/9/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.7	4.5	5.5
870	K49HDDL	Trần Quang	Minh	18/11/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.0	4.0	4.9

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
871	K49HDDL	Đào Văn	Năm	2/5/1998	Xác suất thống kê	K49HDDL	9.3	4.0	5.6
872	K49HDDL	Võ Thị Bích	Ngọc	28/11/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	8.0	6.5	7.0
873	K49HDDL	Nguyễn Vũ	Nhân	1/5/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.3	3.5	4.6
874	K49HDDL	Hoàng Thị	Nhân	3/5/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	8.0	4.0	5.2
875	K49HDDL	Phan Thị Lan	Nhi	7/12/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	6.7	4.0	4.8
876	K49HDDL	Nguyễn Văn	Phi	17/10/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.0	4.0	4.9
877	K49HDDL	Lê Thị Thúy	Phương	22/3/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.3	3.0	4.3
878	K49HDDL	Lê Thị	Phương	20/4/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.3	3.5	4.6
879	K49HDDL	Nguyễn Thái	Quan	26/7/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.7	4.0	5.1
880	K49HDDL	Phan	Tám	8/1/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.0	4.0	4.9
881	K49HDDL	Nguyễn Cửu Thị	Tâm	17/6/1996	Xác suất thống kê	K49HDDL	6.7	4.5	5.2
882	K49HDDL	Nguyễn Thị	Thoa	7/11/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.7	3.0	4.4
883	K49HDDL	Hoàng Thị	Thùy	1/8/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	8.0	3.5	4.9
884	K49HDDL	Nguyễn Văn	Tuấn	18/3/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	7.3	2.5	3.9
885	K49HDDL	Đoàn Quang	Vinh	14/7/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	5.7	4.5	4.9
886	K49KTDL	Lê Hoàng Phước	Cường	1/7/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	6.7	4.0	4.8
887	K49KTDL	Trần Đức Anh	Kiệt	21/3/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	7.7	4.0	5.1
888	K49KTDL	Lê Thị Minh	Nga	1/2/1995	Xác suất thống kê	K49KTDL	7.3	7.0	7.1
889	K49KTDL	Nguyễn Thị Bình	Nhi	5/12/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	7.3	3.5	4.6
890	K49KTDL	Nguyễn Thị Hà	Nhi	28/7/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	6.7	4.0	4.8
891	K49KTDL	Lê Thị Thúy	Quỳnh	1/10/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	6.7	3.5	4.5
892	K49KTDL	Hồ Thị Thu	Thảo	29/7/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	7.0	5.0	5.6
893	K49KTDL	Trần Anh	Thư	13/10/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	8.0	4.5	5.6
894	K49KTDL	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	5/6/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	7.0	7.5	7.4
895	K49KTDL	Nguyễn Đặng Thị Thùy	Trang	8/1/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	6.7	6.5	6.6
896	K49KTDL	Lê Tấn Hoàng	Vũ	9/1/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	6.7	4.5	5.2
897	K49QHCC	Dương Ngọc Phương	Anh	27/6/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	8.0	5.0	5.9
898	K49QHCC	Mai Thị Ngọc	Ánh	12/5/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	7.0	5.0	5.6
899	K49QHCC	Trương Thị Ngọc	Nga	2/9/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	8.0	4.0	5.2
900	K49QHCC	Bùi Thị Như	Ngọc	30/10/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	7.3	6.5	6.7
901	K49QHCC	Nguyễn Thị Tâm	Nhi	9/11/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	7.0	6.0	6.3
902	K49QHCC	Võ Kiều	Oanh	6/10/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	7.0	6.0	6.3
903	K49QHCC	Phan Thị	Thảo	10/9/1996	Xác suất thống kê	K49QHCC	8.0	4.0	5.2
904	K49QLLH2	Nguyễn Phan Mỹ	Linh	2/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.0	3.0	4.2
905	K49QTKD	Nguyễn Thị Thúy	Ninh	6/8/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	8.0	4.0	5.2
906	K49QTKD	Trần Huyền	Thoại	6/3/1996	Xác suất thống kê	K49QTKD	9.3	6.5	7.3
907	K49TCSK	Nguyễn Thị Kim	Ánh	13/5/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.0	4.0	4.9
908	K49TCSK	Nguyễn Thị Hoàng	Luyến	02/1/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	6.3	4.0	4.7
909	K49TCSK	Nguyễn Thị Thu	Lý	13/10/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.7	5.0	5.8
910	K49TMĐT	Ngô Thị	Mỹ	30/11/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	7.0	5.5	6.0
911	K49TMĐT	Nguyễn Thị Thùy	Trang	8/11/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	5.0	3.0	3.6
912	K49TMĐT	Trương Thị	Trinh	19/2/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	8.0	3.0	4.5
913	K49TTMKT	Võ Thị	Hương	6/1/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.0	5.5	6.0
914	K49TTMKT	Võ Thị Đức	Kiều	20/1/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.3	5.5	6.0
915	K49TTMKT	Đặng Thị Hồng	Nga	11/6/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	9.3	5.0	6.3
916	K49TTMKT	Trần Thị Mỹ	Nhi	3/12/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	8.0	5.5	6.3

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
917	K49TTMKT	Nguyễn Thị Ngọc	Tiếp	28/7/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	8.7	5.5	6.5
918	K49TTMKT	Nguyễn Thị Kim	Xuân	13/2/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.3	4.0	5.0
919	K49QLLH1	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	6/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	8.7	5.0	6.1
920	K49QLLH1	Huỳnh Thị Minh	Châu	21/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.0	3.0	4.2
921	K49QLLH1	Võ Quang	Dinh	15/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.0	3.5	4.6
922	K49QLLH1	Nguyễn Cửu Hoài	Đức	10/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	6.0	3.5	4.3
923	K49QLLH1	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	22/5/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.7	3.5	4.8
924	K49QLLH1	Lê Văn	Long	2/1/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.7	3.0	4.4
925	K49QLLH1	Trần Ninh	Ngọc	20/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.0	3.0	4.2
926	K49QLLH1	Phan Thị Thục	Nguyên	7/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.3	4.5	5.3
927	K49QLLH1	Trần Thị	Nhớ	23/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.3	5.5	6.0
928	K49QLLH1	Hoàng Thị	Nhung	2/6/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	6.7	2.5	3.8
929	K49QLLH1	Phan Hữu	Niên	6/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.7	3.5	4.8
930	K49QLLH1	Nguyễn thị Thanh	Tâm	21/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	8.3	4.0	5.3
931	K49QLLH1	Võ Thị	Thanh	19/3/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	8.0	4.5	5.6
932	K49QLLH1	Hoàng Thị Thiên	Thanh	30/3/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	7.3	4.0	5.0
933	K49QLLH1	Bùi Thị Thanh	Thảo	13/7/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH1	5.0	4.0	4.3
934	K49QLLH1	Chu Duy	Thật	25/6/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	4.7	4.0	4.2
935	K49QLLH1	Lê Trần Anh	Thư	23/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	10.0	6.0	7.2
936	K49QLLH1	Phan Thị Thùy	Tiên	19/8/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH1	9.3	6.0	7.0
937	K49QLLH1	Lê Thị Thanh	Tuyền	16/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	8.0	4.5	5.6
938	K49QLLH2	Trương Thị Kim	Anh	27/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	10.0	6.0	7.2
939	K49QLLH2	Trương Quốc	Bình	18/1/1995	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.0	4.0	4.9
940	K49QLLH2	Lê Thị Ngọc	Châu	3/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	9.3	6.0	7.0
941	K49QLLH2	Nguyễn Thị Hương	Giang	20/9/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH2	8.0	3.5	4.9
942	K49QLLH2	Nguyễn Thị	Hằng	26/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.7	4.0	5.1
943	K49QLLH2	Đặng Thị Thu	Hường	8/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	6.7	3.5	4.5
944	K49QLLH2	Trần Thị Cẩm	Lai	8/9/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH2	9.3	4.0	5.6
945	K49QLLH2	Nguyễn Thùy	Mai	3/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.0	3.5	4.6
946	K49QLLH2	Trần Thị Thanh	Nga	11/6/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	8.0	7.0	7.3
947	K49QLLH2	Trương Thị	Ngọc	22/11/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	6.3	2.5	3.6
948	K49QLLH2	Nguyễn Thị Huyền	Nhi	7/11/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.7	6.5	6.9
949	K49QLLH2	Nguyễn Thị	Như	15/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.0	4.0	4.9
950	K49QLLH2	Hồ Thị Hồng	Nhung	22/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	8.0	3.5	4.9
951	K49QLLH2	Đặng Vũ Minh	Phương	8/3/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	0.0	0.0	0.0
952	K49QLLH2	Phan Thị	Phượng	17/11/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	8.0	2.5	4.2
953	K49QLLH2	Trần Thị	Phượng	9/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	8.0	2.5	4.2
954	K49QLLH2	Nguyễn Xuân	Thắng	12/7/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH2	6.3	3.5	4.3
955	K49QLLH2	Hồ Thị Thanh	Thanh	2/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.7	5.5	6.2
956	K49QLLH2	Nguyễn Thị	Thu	15/1/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.0	6.5	6.7
957	K49QLLH2	Trần Thị Thu	Thùy	27/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.0	6.0	6.3
958	K49QLLH2	Phan Thị Doan	Trang	16/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	7.7	3.5	4.8
959	K49QLLH2	Nguyễn Thị	Trình	20/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	6.0	4.0	4.6
960	K49QLLH1	Trần Nhã	Kỳ	21/11/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH1	6.3	4.5	5.0
961	K49QLLH1	Nguyễn Thị Mê	Lin	1/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	6.3	4.0	4.7
962	K49QLLH3	Trần Thị Ngọc	Bích	17/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	9.3	4.0	5.6

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
963	K49QLLH3	Lê Hữu	Chung	24/9/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	7.3	4.5	5.3
964	K49QLLH3	Bùi Thanh	Hà	2/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	7.7	4.0	5.1
965	K49QLLH3	Nguyễn Thị	Huyền	3/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	8.0	4.0	5.2
966	K49QLLH3	Lê Thị	Liên	7/8/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	8.3	5.5	6.3
967	K49QLLH3	Trần Thị Kim	Loan	29/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	6.3	3.0	4.0
968	K49QLLH3	Lê	Ngoc	14/7/1994	Xác suất thống kê	K49QLLH3	6.0	4.5	5.0
969	K49QLLH3	Nguyễn Trần Kim	Nguyên	1/1/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	7.7	4.5	5.5
970	K49QLLH3	Huỳnh Thị Thùy	Nhiên	14/11/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	8.0	4.0	5.2
971	K49QLLH3	Ngô Thị Thùy	Nhung	5/1/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	9.3	6.0	7.0
972	K49QLLH3	Đoàn Vĩnh	Phước	17/6/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	7.0	3.5	4.6
973	K49QLLH3	Trần Thị	Quý	14/10/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	9.3	6.5	7.3
974	K49QLLH3	Trần Như	Quỳnh	2/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	8.0	5.0	5.9
975	K49QLLH3	Trần Thị Thanh	Thanh	24/1/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	7.0	7.0	7.0
976	K49QLLH3	Nguyễn Thị	Thanh	19/7/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	7.7	3.5	4.8
977	K49QLLH3	Nguyễn Thị	Thảo	26/1/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	8.0	4.0	5.2
978	K49QLLH3	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	7/4/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	7.0	4.0	4.9
979	K49QLLH3	Nguyễn Thị Ý	Thy	26/7/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	10.0	8.0	8.6
980	K49QLLH3	Ngô Thị Thu	Trâm	25/2/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	8.0	4.5	5.6
981	K49QLLH3	Nguyễn Thị	Vân	1/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	8.0	4.5	5.6
982	K49QTKD	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	18/11/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	8.0	8.0	8.0
983	K49QTKD	Nguyễn Thị Kim	Anh	21/8/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	8.0	8.0	8.0
984	K49QTKD	Vân Thị Ngọc Thanh	Diệp	5/5/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	9.0	5.0	6.2
985	K49QTKD	Nguyễn Đặng Thùy	Dung	29/10/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	9.3	7.5	8.0
986	K49QTKD	Lê Thị Ly	Na	29/9/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	9.3	8.5	8.7
987	K49QTKD	Đinh Thị Hoàng	Oanh	29/5/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	7.7	6.5	6.9
988	K49QTKD	Lê Thị Quỳnh	Vân	1/2/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	4.7	6.5	6.0
989	K49TCSK	Phạm Thị Ngọc	Bích	4/11/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.0	3.0	4.2
990	K49TCSK	Nguyễn Thị Kim	Dy	10/4/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.0	3.0	4.2
991	K49TCSK	Nguyễn Thị	Hằng	23/3/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	6.0	7.0	6.7
992	K49TCSK	Bùi Thị Thu	Hiền	20/11/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	8.3	7.0	7.4
993	K49TCSK	Phạm Lê Trung	Hiếu	6/6/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	6.3	7.5	7.1
994	K49TCSK	Lê Thị Thu	Hương	10/5/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.0	7.5	7.4
995	K49TCSK	Đinh Nữ Nhật	Linh	3/11/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.0	3.0	4.2
996	K49TCSK	Trần Thị	Linh	11/10/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	0.0	0.0	0.0
997	K49TCSK	Trần Thị Khánh	Ly	7/9/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.0	4.0	4.9
998	K49TCSK	Trần Nguyên Hà	Thi	20/4/1995	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.7	4.0	5.1
999	K49TCSK	Hồ Anh	Thư	3/7/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	8.0	7.5	7.7
1000	K49TCSK	Nguyễn Quỳnh	Thư	30/7/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.3	4.5	5.3
1001	K49TCSK	Nguyễn Thị	Thúy	20/4/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	7.3	3.5	4.6
1002	K49TMBĐT	Phạm Cao Liên	Công	12/12/1992	Xác suất thống kê	K49TMBĐT	6.7	4.0	4.8
1003	K49TMBĐT	Dương Việt	Duy	29/1/1997	Xác suất thống kê	K49TMBĐT	6.3	3.5	4.3
1004	K49TMBĐT	Lê Thị Thanh	Giàu	27/6/1997	Xác suất thống kê	K49TMBĐT	7.0	4.0	4.9
1005	K49TMBĐT	Nguyễn Khoa Thị Thùy	Linh	29/5/1997	Xác suất thống kê	K49TMBĐT	7.0	3.0	4.2
1006	K49TMBĐT	Hồ Văn Minh	Quân	28/12/1997	Xác suất thống kê	K49TMBĐT	8.7	3.5	5.1
1007	K49TMBĐT	Hoàng Thị	Tâm	20/3/1996	Xác suất thống kê	K49TMBĐT	8.0	4.5	5.6
1008	K49TMBĐT	Nguyễn Xuân Minh	Tuấn	9/5/1997	Xác suất thống kê	K49TMBĐT	6.0	3.0	3.9

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP
1009	K49TMĐT	Đoàn Thị Tố Uyên	13/2/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	7.0	3.0	4.2
1010	K49TMĐT	Nguyễn Thị Hồng Vân	25/2/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	7.0	3.5	4.6
1011	K49TTMKT	Nguyễn Thị Trâm Anh	24/8/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.0	4.0	4.9
1012	K49TTMKT	Lê Phú Hương	14/2/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.7	3.0	4.4
1013	K49TTMKT	Lê Phước Thảo Mì	11/2/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.0	4.0	4.9
1014	K49TTMKT	Nguyễn Thị Mỹ Phương	30/3/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	8.0	3.5	4.9
1015	K49TTMKT	Trần Thị Minh Phương	30/8/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	8.7	4.0	5.4
1016	K49TTMKT	Nguyễn Phước Quang	24/4/1996	Xác suất thống kê	K49TTMKT	8.0	2.5	4.2
1017	K49TTMKT	Bảo Hoàng Minh Quý	2/1/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	6.7	3.0	4.1
1018	K49TTMKT	Hoàng Nhật Thái	13/5/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.0	3.5	4.6
1019	K49TTMKT	Hồ Thị Thanh Thanh	6/9/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.0	3.0	4.2
1020	K49TTMKT	Nguyễn Thanh Thanh	24/8/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.3	3.5	4.6
1021	K49TTMKT	Ngô Thị Thư	21/2/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	8.7	2.5	4.4
1022	K49TTMKT	Nguyễn Thị Bảo Trân	2/12/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	6.3	3.0	4.0
1023	K49TTMKT	Lê Thị Minh Trang	5/6/1996	Xác suất thống kê	K49TTMKT	6.3	3.0	4.0
1024	K49TTMKT	Lê Thị Thùy Trang	27/8/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	7.0	3.0	4.2
1025	K49TTMKT	Nguyễn Trí Tuệ	12/1/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	8.0	2.5	4.2
1026	K49TTMKT	Lê Thị Kim Tuyền	15/5/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	8.7	3.0	4.7